

Có ít văn vần cho phần dự đoán nay đưa lên đây để các bạn xem có dùng được chăng?

ĐOÁN CẦU TÀI Theo Tăng san

Cầu tài, tài động đắc tài
Tài trì Thé vượng hối ai hays mùng.
Phụ Thé(trì thé)+ Tài động tung bừng
Tài vượng khắc Thé áy chung đắc tài
Tử động sinh Thé: có rồi
Hoặc Tử -Nhật- Nguyệt sinh tói(thé) dẽ dàng
Tử động là giúp cho nàng
Hoá Tài càng tốt hỏi chàng biết chưa?
Tử Thé cũng tốt vừa vừa
Tài động át được dù chưa thấy về
Tài hoá Tử chặng nhiêu khê
Long(thanh long) động thuận lợi nhiều bè cầu mong
Quan động Huynh động khó xong
Phụ động: nhọc lòng Tài hoá: thiệt thêm
Thé không(tuần không) chặng được êm đềm
Dù tài có mạnh bói thêm xem nào
Khai mỏ tìm của để đào
Đừng nên vội vã tin vào lòng tham
Thé Tài đều mạnh hays làm
Không lâm Tài phục(phục thân) khỏi bàn hối ai
Tài động Thé động đắc tài
Tài tĩnh ám động thì Tài(sắp) đến noi
Tài vượng thì chắc có rồi
Bị Không đợi lúc ra ngoài cái Không
Còn như nhập Mộ cũng hung
Nếu có Nguyệt phá thì xung Mộ liền
Huynh lâm Thé-hắn là phiền
Hoá Tài thì lại có duyên đắc tài
Hổ Tài lâm mộc-phát tài
Ngày chi(địa chi)hào biến áy ai gấp thời
Tài vượng gấp Phúc(phúc thân) hung rồi
Công tư đôi việc đôi noi vẹn tròn
Tài không-Phúc tuyệt mỏi mòn
Người trên kẻ dưới ai còn ưa ta
Tử vượng hoá cát xét ra
Lại sinh hợp Thé át là hanh thông
Tử mà Suy-Mộ-Tuyệt-Không
Bị Hình xung khắc thi không ra gì
Tài tĩnh hoặc không hiện thì
Huynh-Tử cùng động là khi có mùng
Cả ba đều động xem chừng
Đã tốt còn được tung bừng dài lâu
Huynh-Tài-Quan(đều) động cũng mâu
Quan khắc Huynh đẽ cầu tài lên
Tài Phúc đều không-chờ nên mò kim đáy nước
Phụ Huynh đều động-đừng hòng bắt cá trên cây
Phúc biến sinh Tài-Tài như nước chảy
Huynh thương Quỷ khắc-khẩu thiệt tai bời
Tài cục hợp phúc cung-mối lời vạn bội

Tuế quân gặp Kiếp sát-sinh kế đáng buồn
Huynh lâm Thé-mệt tâm hồn
Tài lâm sinh thế-Ấy nguồn của ta
Một Huynh động có hại mà
Nếu nhiều Huynh động hoá ra bình thường
Nhiều tài cản Mộ thu tàng
Đến ngày có mộ là chàng gấp may
Tài động không sinh Thé này
Tài của người hầy chẳng phải của ta
Làm quen với quý nhân à
Có Quan sinh Thé thì ta vui mừng
Thé khắc Quan ở quái trung
Cũng có thể dùng cầu lộc dược thôi
Tài lâm Phá-Quỷ hỏng rồi
Lại còn khắc Thé ôi thôi chờ mừng
Cầu Tài tránh gặp Huynh hung
Lục xung, lục hợp xét chứng Dụng thôi
Phản ngầm, hoá Thoáitoi rồi
Bốn ba chi nữa giữa hồi khó khăn.
Muôn hồi cát hung cần xem Tài Phúc
Tài vượng Phúc hung chung riêng xứng ý
Tài không Phúc tuyệt tất thảy hao tài
Có Phúc khong Tài-Huynh đệ giao trùng không thất vọng
Có Tài không Phúc-Quan hào phát động có cơ may
Nguyệt kiến đói Tài hào-que tuy không mà có
Nhật thân thương Thé tài-dù có vượng ngày đó vẫn không
Nhiều Tài phản Phúc tất cần Mộ khổ để thâu tàng
Không Quỷ phân tranh,lại sợ giao trùng mà trở ngại
Huynh nhiều mà thái quá lại chẳng khắc tài
Thân gặp vượng Tài-tự thò tay móc túi
Thé trì vượng Đệ(huynh)-như là đáy biển mò kim
Phúc biển Tài sinh cuồn cuộn Tài nguyên chẳng dứt
Thé tài hoá Quỷ phòng hao hụt lại thêm lo
Tài cục hợp Phúc thần tài sinh vạn bội
Tuế quân phùng Kiếp sát gian khổ một năm
Thé Ứng hai hào không hợp hẹn hao không bằng
Chủ nhân nhất vị Hình Thương chẳng gặp khỏi tìm
Thé trì Không Quỷ là do mình tự hoài nghi
Nhật hợp động Tài là do người ta giữ chặt
Muốn biết ngày có tài phải rõ Vượng Suy Sinh Hợp
Cần biết mùa thắng lợi nén tường Xuân Hạ Thu Đông
Thé Ứng đồng nhân-cho nợ tất nhiên mất vốn
Nhật Nguyệt tương hiệp-mở hàng chủ có khách đông
Quan Quỷ khắc Thân-buôn bán nhớ lo trộm cướp
Gián hào hại Thé- đặt hàng sợ bị mồi chài
Tích trữ thích Thân an Quỷ tĩnh
Phát mại cầu Tài động Thân hung
Trên lộ có Quan đứng xuất ngoại
Trong nhà có Quỷ phải đi xa
Nội Ngoại(que)không Tài Phúc cũng không tất nhiên hụt vốn(thiếu vốn)
Phụ Huynh có khí-Tài lại Tuyệt-thôi cứ an bần
Sinh kế đa đoan- Phép xem bất nhất

Nếu hay thành kính- Có thể dự trù.

.....
Theo Thiệu vĩ Hoa

Nếu mà không bị khắc thương
Tài Phúc đều vượng Trời thương cho tài
Tử vượng động hợp sinh Tài
Tài nhiều kéo đến lâu dài rất hay
Tử lâm Nhật Nguyệt càng may
Động mà sinh hợp tài này tốt sao
Thanh long động ở Tử hào
Sinh hợp Tài đó xiết bao vui mừng
Lại thêm Thê vượng bừng bừng
Hanh thông thuận lợi áy chung đắc tài
Thê ở vượng địa an bài
Cùng nhiều Tài vượng trong ngoài đó đây
Sinh Tài Tử động là may
Tử Tài tương biến thì tay gặt đều
Phúc-Tài hợp Thê(tài cục) được nhiều
Tử cục sinh thê thì đều là hay
Thê Tài Phúc hợp cực may
Đó là Tài cục có ngay tiền rồi
Quan Quỷ hoá Tài ai oi
Lại sinh Thê nữa tốt rồi việc quan
Quan động sinh hợp Thê bàn
Áy là mãn ý hân hoan vô cùng
Tử khoé(vượng) mà động thì mừng
Huynh động sinh Tử tài lìng lẫy thêm
Tài sinh thê: lợi lại bền
Thê có Tử giúp thì nên cầu tài
Còn như Thê khắc hào Tài
Tài hưu tú nữa khuyên ai hãy dùng
Nếu Tài khắc Thê lại mừng
Hết cầu là được xin dùng phân vân
Tài nhiều, quá vượng thì cần
Đợi ngày nhập Mộ góp phần hân hoan
Tài Quan trì Thê ta bàn
Cầu được ước thấy an nhàn lại may
Còn Tài sinh thê: rất hay
Xin gì có nấy được ngay đúng phần
Quan hoá Tài mà khắc Thân
Tài kia Trời đã định phần cho ai
Quan Quỷ biến tử hào Tài
Lại còn khắc Thê là loài xấu hung
(tài)Trì Sinh Hợp Khắc(thê) đều mừng
Của tìm mình đó xin dùng ngắn ngo
Quê lục hợp biến lục xung
Thêm Tài bị Phá là không có gì
Thê-Phúc hoá tué phá thì
Trong cả năm áy cầu gì khó nêu
Thê lâm Hổ động dùng quên
Phải phòng tai nạn mới yên lòng mình
Nếu Huynh-Thê lại hoá Huynh

Là cầu chǎng đặng dứt tình đừng mong
 Quê vô Tài Phúc uồng công
 Tài hưu Tử tuyệt xin ông nầm nhà
 Phụ Huynh đều động gần xa
 Vót trăng đáy nước nhủ ta coi chừng
 Huynh động-Quan động thì mừng
 Nếu Quan không động coi chừng tốn hao
 Huynh đệ động-Thé Tài hào
 Kiếp tài tai hoạ ôn ào cãi nhau
 Quý động khắc Thé càng đau
 Còn như Thái tué lâm hào đệ Huynh
 Lại động: nhiều sự hại mình
 Suốt năm tài tán,cả tình cũng không
 Nếu như gặp quẻ Lục xung
 Dụng hào bị khắc phải phòng nạn tai
 Nếu Phúc bị thương hối ai
 Chưa buôn đã lỗ cầu tài làm chi
 Tài bị Nhật hợp một khi
 Nếu như sinh Thé của thì đến ngay
 Bằng không thì phải đợi ngày
 Xung đi cái hợp thì may có tài
 Thé Ứng lâm Không cả hai
 Nếu có cầu tài cũng chǎng được đâu
 Trên lộ 5 hào bắc cầu
 Gặp Quan quý động chờ cầu việc đi
 Lâm Bạch hổ-bão kéo về
 Lâm Vũ-cướp giật ấy thì đến ngay
 Khắc Thé hào Quý hoá Thé
 Là cát nhiều bè cần xét kỹ thêm
 Tài hoá Quý khắc Thé xem
 Ấy chǎng êm đềm là tượng đại hung
 Hào Tài có hung thần xung
 Phong ba hiểm trở sẽ cùng hiện ra
 Kiếp hung lâm Tài xấu xa
 Nếu lâm Huynh động át là cướp thoi
 Quan quý khắc thế định rồi
 Cầu tài bất lợi,hoạ tai kéo về.

----- XEM CHO VAY- ĐÒI NỢ

Phải đi vay nợ mách ai
 Thé(ở) Huynh không được đừng nài làm chi
 Ứng bị Không phá một khi
 Tài bị Không phá còn gì mà mong
 Thương ai gặp bước long đong
 Tử hung Tài động mới mong thoát nguyễn
 Huynh lâm Thé: Chịu mất tiền(khó đòi)
 Huynh động: không trả gây phiền lòng ai
 Còn như muốn biết bụng người
 Tài ứng sinh Thé là ai thực lòng
 Ứng Quý khắc Thé thì không
 Người này phụ nghĩa cướp công đáy mà.

----- **ĐOÁN CHOI CỜ BẠC**

.....
Hào Tài là Dụng xét qua
Thé động hoá cát cùng là tài tinh
Có Nhật Nguyệt lâm hoặc sinh
Đều là phần thắng về mình hỡi ai.
Huynh động thì ắt thua rồi
Gặp Quỷ khắc Thé có tai hoạ liền
Hào Tài vượng tướng cho ai
Thé- Tài- Quan hợp là người gặp may
Úng lạc Không vong đặt tiền chắc là thất vọng
Thé gặp hình khắc đánh bạc đánh bạc ắt hẳn sẽ thua.

----- **ĐOÁN VỀ HÔN NHÂN**

.....
Theo Tăng san bốc dịch.
Cầu hôn nữ chẳng làm cao
Là do Tài động lẽ nào chẳng xong
Nhật thần-Nguyệt kiến Thanh long
Hôn nhân giá thú đẹp lòng cho ai
Cầu hôn gặp lũ vô loài
Là vì Huynh động này ai là chồng
Thé Nhân là thiếp lương trung
Úng Nhân nhà ngoại có lòng tốt tươi
Tài Nhân lấy cướp vợ người
Quan Nhân thì lấy chồng ai làm chồng
Úng lâm Tài vượng đẹp lòng
Vợ hiền gia cảnh thuộc dòng trâm anh
Úng hào biểu thị gia đình
Thông gia bên đó tình hình ra sao
Úng không nên khắc Thé hào
Cũng đừng Không Phá lâm vào làm suy
Nếu Tài Quan vượng một khi
Lại thêm hợp cục duyên thì hết chê
Tài vượng sinh thân-Úng dù gặp Phá Không: cũng lấy
Úng hào sinh Thé-Dụng mà lâm Phá Tuyệt: chớ cầu
Tài gặp Hưu tú là lõi lừa
Quan mà Syt Tuyệt khó thành đôi
Thé Úng đều Không chỉ tốn công
Phản ngâm đã biến khó thành sự
Trai xem có Huynh động bên trong là không phải lừa
Gái xem có Quan hào trì Thé mới tốt đôi
Huynh khắc Thé phát động thì sự khó thành
Tử khắc Phu phát động cũng là không tốt
Quẻ gặp Hâm- Lâm- Tiết- Thái thê nào cũng tốt
Quẻ gặp Khuê- Cách- Giải- Ly thì xấu rành rành
Tài hoá Tài chắc hẳn hôn nhân vài bận
Quỷ hoá Quỷ khó mà gai lão bách niên
Huynh lâm Huyền vũ phòng lừa đảo
Quỷ lâm Bạch hổ gặp hung tang
Úng lâm Tài, Thé trì Quỷ: loan phượng hài hoà

Úng lâm Quan, Thé trì Tài: sóm mai gà mái gáy
Quỷ động hoá Tài là trai có vợ
Tài động hoá Quỷ gái nọ có chồng
Lục hợp biến từ lục xung
Tiền nan hậu kiết nên mừng ai oi
Đến ngày sinh Dụng tốt rồi
(nhật)Lâm hào sinh Dụng chuyện đôi tát thành
Quέ có Tử đồng cục lành
Nhật Nguyệt Long động đã dành tốt sao
Trọn đời hòa thuận uớc ao
Úng hào hợp Thé ai nào đã hay
Tài phúc sinh Thé càng may
Xướng tuỳ thoả nguyện kiếp này người oi
Tài lẽ Úng cả định rồi
Tài vượng Úng vượng áy thời thêm hay
Cả hai bị phá chǎng may
Úng đã Không phá Tài nay thế nào
Tài vượng vẫn tốt không sao
Nếu Tài suy ắt lao đao không tròn
Tài vượng, Nhật Nguyệt lâm môn
Động mà hoá cát lại còn sinh thân
Bách niên giai lão đủ phần
Vượng phu ích tử mười phân vẹn mười
Huynh Thé- trâm gãy bình rơi
Hoá hung- nát ngọc hoặc thời chìm châu
Huynh suy Tài vượng mày cau
Khắc Tài, Tài thoái ôm sầu chia phôi
Huynh Thé,Tài vượng ai oi
Dẫu không khắc tuyệt cũng thời hận nhau
Úng Tài bị khắc lòng đau
Duyên kia khó được cùng nhau suốt đời
Động Tài,vương,tướng áy thời
Nối dây mới gặp được noi vẹn toàn
Úng Tài hào áy đáo môn
Chính thê là đó chǎng còn hò nghi
Nhiều tài vượng xuất hiện thì
Quέ chính vợ cả,biến thì vợ hai
Hổ Huynh động- vợ nạn tai
Thé phòng hao tổn-Quỷ Tài Không vong
Thé Quan hào áy là chồng
Úng Tài là vợ khắc xung thế nào?
Tài khắc Thé thật xấu sao
Không hình khắc cũng ra mầu ác hung(ghen,dữ)
Quỷ Tài Mộ Tuyệt hoặc Không
Loan phòng chờ đợi vợ chồng cách xa
Huynh trì Thé khắc vợ mà
Huyền vũ lâm Mão-thê đà óm đau
Mà Tài cũng thế khác đâu!
Tài động,Tài hóa cũng sầu cho ai
Động Vượng hoá cát hào Tài
Lại sinh hợp Thé-cùng ai bạc đầu
Úng Tài sinh Thé cũng mầu

Vợ tốt, vào câu tiền nhạc gia cho
Nếu như Thé xấu phải lo
Tuỳ Quỷ nhập Mộ hay lò Phá- Không
Huru tù gìn giữ chưa xong
Còn bị Tài khắc-yêu vong thiệt mình.

XEM HÔN NHÂN THEO BỐC PHỆ CHÍNH TÔNG

Âm Dương giao thác, khó mong cầm sắt điều hoà
Nội Ngoại động giao, hẳn thấy gia đình xáo trộn
Trái khoáy Âm Dương, chỉ riêng lợi về ở rẻ
Hợp nhau Thé Ưng, sau này chắc hẵn đẹp duyên
Ưng sinh Thé vị, hôn nhân vui vẻ thuận tình
Thé khắc Ưng hào: giá thú dựa uy cường lực
Tài Quan động hợp- tiền dâm hậu thủ phân nhiều
Thé Ưng hoá Không- trước thành sau hồi chẳng ít
Quỷ khắc Thé hào- chẳng những tình duyên không đẹp
Dụng hợp Thé vị- mới hay ân ái mặn nồng
Tài Quỷ không bị hình hại- vợ chồng chắc chắn hòa vui
Văn thư nếu động dương quyền- Con cháu tất nhiên hưu quanh
Như phùng Tài Quỷ Không vong: hôn nhân đại kỵ
Nếu gặp âm dương đặc vị: số mệnh sở quan
Ưng lâm Tài, Thé lâm Quỷ: chồng xướng vợ theo
Ưng lâm Quỷ, Thé trì Tài: chồng đần vợ lán
Không Quỷ phục Tài: vị hôn đã chịu tang chồng
Động Tài gặp Hổ: lấy chồng rồi bị ốm
Thé Ưng đều Không: chẳng vẹn trăm năm phận đẹp
Tài Quan trùng hiện: sẽ làm hai độ cô dâu
Quan Quỷ trường sinh: chồng ắt tài năng lối lạc
Thé tài Mộ khổ: vợ đành xấu xí vụng khờ
Nhật thần gặp Phụ hợp: hôn lễ đã hẹn ngày giờ
Hào Thé được Tài sinh: hồi môn có nhiều phẩm vật

XEM HÔN NHÂN THEO THIỆU VĨ HOA

.....
Úng Tài vợ tốt hàng mong
Đảm đang tháo vát ngoài trong gia đình
Ưng Quan chồng hợp ý mình
Sinh phù tài vượng thoả tình nữ nhi
Dụng mà sinh Thé một khi
Ưng Thé tương hợp ấy thì hợp nhau
Quẻ lục hợp tốt hàng đầu
Dụng vượng đơn lẻ cũng màu tốt thay
Dụng Kim sinh vượng thì hay
Người thanh tú, trọng nghĩa, nay khinh tài
Dụng Mộc sinh vượng nhìn ai
Thân hình cao đẹp chẳng sai đâu mà
Dụng thổ sinh vượng ấy là
Người lành đôn hậu, béo mà không cao
Dụng Hoả sinh vượng thì sao?
Khoẻ mạnh, tóc ít da màu đỏ hung
Dụng Thuỷ sinh vượng: vô cùng

*Thông tuệ, khéo léo xin đừng lo xa
Tài Quan đều vượng: béo mà
Tài Quan suy nhược át là nhỏ thỏi.
Xấu người Trần- Xà- Hổ ngồi
Câu trần đen đúa nhưng người thực tâm
Úng Tài vượng địa chặng làm
Vợ đẹp lại có thiện tâm hơn người
Nếu Dụng gấp Long: Tốt rồi
Long Quan quý hiển, Long Tài giàu to
Quan tinh được ngôi xét cho
Là người nhờ vợ giúp cho nên giàu
Thé sinh Úng: Nam đến cầu
Úng mà sinh Thé: hám giàu nữ tham
Thé Không ta chặng thấy ham
Úng Không họ chặng thực tâm với mình
Hoá tiến thì sự việc thành
Hoá thoát chặng tốt đã dành từ hôn
Tài sinh Thé chặng phải mong
Úng vào năm(cư Tài) đó lập xong gia đình
Úng động hoá hung đã dành
Nhật Nguyệt hào động lại thành khắc xung
Tuy là Úng, xét cho cùng
Hôn nhân chặng phải qua sông lắn đầu
Còn Tài vượng tướng khôi sầu
Động mà hoá cát: Bạc đầu sóng chung
Tài Quan đều vượng xét ra
Hôn nhân dễ đạt, hài hòa tốt thêm
Hưu - Tù - Tử - Tuyệt chặng nên
Chỉ toàn bất hạnh có bèn được chặng
Úng tĩnh sinh Thé: gì bằng
Đúng như đính ước đã hằng kết giao
Thé Úng ngang hoà thì sao?
Thêm Thân Tài Quý cùng vào một cung
Gián hào động xét cho cùng
Nếu sinh hợp Thé: đồng lòng mồi mai
Nếu như đều động cả hai
Thi nhau khoe mẽ tranh tài hơn thua
Giàu nghèo đã xét hay chưa?
Xem Dụng suy vượng là vừa suy ra
Dụng vượng là giàu đầy mà
Dụng suy thì chắc chắn là nghèo thỏi
Úng suy: Thông gia bần rồi
Úng vượng ấy thời là chồ giàu sang
Xem rồi nhớ chờ đợi vàng
Hôn nhân dục tốc đa mang thiệt mình.*

XEM CÔNG DANH SỰ NGHIỆP.

*Thé vượng nên có Quan lâm
Tài hợp sinh Thé: gieo mầm tốt tươi
Quan lâm Nhật Nguyệt mừng vui
Công danh gấp dịp, được thời vinh thăng*

*Hợp Tứ, hợp Thể nhớ rằng
Là hợp không tốt hay chẳng hối người
Quan Không- Phá: chẳng hay rồi
Xung gia thêm nữa: xin mời ngồi yên
Thé Quan Phá- khó thăng thuyền
Thé Không, Tứ vượng thì nên đợi chờ
 Lại Quý nhập mộ bây giờ
Thé suy thì xấu, vượng chờ được thăng
Tài vượng Quan Không: Cứ việc đẻ vàng trong tủ sắt
Thé giao Quan vượng: tất nhiên đeo ngọc tới sân rồng
 Tử giao, Huynh động trùng trùng
Thôi quan, giáng chức, mắc vòng hoạ tai
 Thé suy, Quý khắc hối ai
 Cũng là điềm báo hoạ tai đến mình
 Nếu Nguyên hào động: Cứu tinh
Đã tưởng rằng xấu lại thành thăng quan
 Hào Tài hung vượng bình an
 Hoạn lộ thuận lợi khỏi bàn làm chi
 Thé Quan, Nhật Nguyệt phù trì
 Quan lâm Nhật Nguyệt đúng kỳ sinh Thân
 Quan vượng đã được thêm phần
 Thê tài cũng vượng vận phần giúp may
 Tài động sinh Thé rất hay
 Việc quan thông suốt sắp ngày vinh thăng
 Phụ động, Quan vượng ai bằng (địa vị)
 Quan vượng, Huynh động đòn rằng thanh liêm
 Huynh trì Thé phải lo phiền
 Đã e giáng chức còn thêm tổn tài
 Huynh Quý tĩnh: chô (Nơi mình phụ trách) yên hoài
 Nếu động: binh hoả thiêu tai kéo về
 Thé Quan, Nhật Nguyệt khắc hè
 Xà, Tước cùng về lăm kể dèm pha
 Thé Vượng, có người cứu ta
 Thé Hưu Tù: xấu, át là vạ to
 Huynh Không, Thé Phá sầu lo
 Mà sao hoạn lộ mây thu chẳng quyền
 Thé hoá Quý: mệnh chẳng yên
 Thé Quan ngộ Mã: Lao phiền long dong
 Hào Quan hợp được động Long
 Long Quan trì Thé: sắc phong đến gần
 Thé có Nhật Nguyệt đỡ đần
 Niên thăng triều ây thêm phần đinh chung
 Bây giờ xem quẻ cầu danh
 Có Chu tước động dễ thành ai oí
 Quan vượng trì Thé: gấp thời
 Quan Nhật Nguyệt động sinh tôi- Thé hào
 Thì cầu danh tốt làm sao
 Hoặc Phụ trì thé là cầu được danh
 Thé Quan động- sự khó thành
 Có Tài trì Thé việc mình có vui
 Nếu thấy khắc phá thì thôi
 Nếu thêm biến Quý: hỏng rồi mà nguy*

*Huynh động có sự trê trì
Hoá Quan vất vả, cuối thì tạm an
Tồn thương nếu Phụ hoá Quan
Còn như Tài động cầu Quan tồn tài
Tài hoá Quan: vận đến rồi
Đường mây nhẹ bước, gấp thời hiển vinh
Tử động hoặc Tử bên mình
Công danh thi cử như hình phù du
Tử hoá Quan cũng tù mù
Công danh trắc trở bao thu nhọc nhằn
Quan động sinh Thé rất cần
Vì chung thiên bẩm có phần lộc quan
Thé thêm hoá tiên: khỏi bàn
Chẳng cầu cũng vẫn vẹn toàn công danh*

XEM CHUNG THÂN CÔNG DANH

*Thé Quan-Nguyệt hợp bàn chi
Đến năm Thái tuế ấy thì thăng thêm
Thé Quan Nhật Nguyệt êm đềm
Thành Tam hợp cục chỉ hiềm Mô lâm
Không sao! đợi đến tháng, năm
Xung khai Mô khố thoả tâm ngay mà
Hai hào Quan Thé xét ra
Nếu như đều tốt: thuyền ta xuôi dòng
Thé Quan tĩnh, gặp Phá Không
Công danh chẳng có buồn lòng người oi!
Nếu Thé Quan động: khác rồi
Tuỳ theo sinh khắc ta thời bàn sau
Phu vượng trì Thé chờ sâu
Phụ động sinh Thé ắt cầu được danh
Quan lâm Nhật-Nguyệt tốt lành
Quan động sinh Thé có danh dễ dàng
Quý-Tài động tốn bạc vàng
Vì chung lấy của tậu quan cho mình.
Quan Thé nội quái đã dành
Ở quê Phản-Phục chẳng lành chút nào
Có sự phản phúc chọc vào
Đến ngày tháng khắc hại hào Thé Quan
Hào sinh Quan, Thé lại bàn
Năm nào hào vượng thăng quan chứ gì!
Quan tinh độc vượng một khi
Tài không đắc địa vẫn thì làm nên
Hổ Quan kim-động thì lên
Quan cùng Nhật Nguyệt đều nên sinh minh(thé)
Áy là danh toại công thành
Thang mây nhẹ bước, môn đình hoà vui
Tuế ngũ(hào năm) động sinh Thé rồi!
Thé Quan đều vượng áy thời đẹp sao
Áo nâu bồng hoá cầm bào
Lèu tranh lại hoá nhà cao,lâu dài*

ĐOÁN THEO BỐC PHỆ CHÍNH TÔNG

Vì nước cầu hiền, dĩ dân làm gốc
Dem thân giúp nước, bỗng lộc cung càn
Thê Tài vượng tướng: tất nhiên hưởng lộc ngàn chung
Quan Quỷ hung Long: chắc hẳn làm quan nhất phẩm
Tử nếu giao trùng: chỉ sợ bã quan mất chức
Nếu Huynh phát động: nên phòng giảm bỗng trừ lương
Phụ mẫu Không vong: khó được sắc phong bổ dụng
Quan hào ẩn phục: đừng mong tước vị tới mình
Nguyệt kiến sinh Thân: đúng hội phong vân tết ngô
Tuế quân hợp Thể: thừa ơn vũ lộ dồi dào
Thé động gặp Không: nhậm chức e không trường cửu
Thân Không vô cùu: bản mệnh sợ gặp nguy nan
Quỷ hoá Phúc xung thì thay (thay) chức
Tài lâm Hổ động sĩ cù tang (có tang)
Nhật thần xung khắc tất nhiên phi báng có nhiều
Quỷ sát thương Thân sẽ gặp tai ương khôn tránh
Hào Huynh hoá Quỷ: vô tình, đồng liêu chẳng hợp
Thái tué gia hình: bất thuận, biếm trách khó qua
Quỷ tinh+Thé Không: hồi hưu ứng triệu
Thân Không+Sát động: Tị loạn báo điềm
Thân biến Phục Quỷ chẳng phùng không:
đầu mũ ô sa còn vẫn đội
Tài Không, Quỷ động danh vang dậy:
mà sao trong túi vẫn rồng không.
Quan vượng, Phụ suy: chức nhậm cao mà nhà vắng ngắt
Chức tự thăng tiến đều xem Nguyệt trực Quan hào
Quan ở nhị ty (hai nơi) chỉ bởi Quỷ lâm bàng vị
Trị an trăm họ, Huynh động thời khó hoá người ngoan
Tuần sát bốn phương, lộ Không tất nhiều lo tà quái
Xuất quân tiền bộ, Phúc đức hưng thời giặc cuớp tiêu tan
Trấn thủ biên thùy, Quái hào tĩnh thì nước nhà an thái
Táu trình can gián, nhớ đáng lo Thái tué hình xung
Tăng- Đạo- Y quan cẩn trọng Văn thư phát động
Chỉ theo chíc phận suy tướng bĩ thái hoạn đồ

ĐOÁN THEO THIỆU VĨ HOA

Quan vượng trì Thể thì nên
Tốt cho đẻ bạt thi lên tay nghè
Thêm Tài động sinh tốt ghê
Tài vượng động hợp (Thé) nhiều bể toại mong
Tài Quan, Nhật Nguyệt ở trong (sinh phù)
Lại sinh hợp Thể là vòng gấp may
Học cao: Thể Phu (đều) vượng- Hay!
Đẻ cuối cùng rày biến hoá Long tinh
Hào động Nhật Nguyệt tương sinh
Thé thì Vương giả là minh đáy thôi!
Thé Phu nên vượng người oi
Hoặc động biến cát, Phụ ngồi bên Thân
Hào động Nhật Nguyệt rất cần

*Sinh hợp hào Thé là thân cưỡi rồng
Hai hào Quan phụ hưng long
Thì ắt sẽ tốt giữa dòng văn chương
Phụ vượng trì Thé: Trời thương*
*(thêm) Quan động sinh Thé là đường thành danh
Hoặc Phụ vượng động cũng thành
Cùng Quan trì Thé nên danh đó mà!*

*Quan Phụ vượng động gần xa
Lại sinh hợp thế ắt là tốt thôi
Nhật Nguyệt sinh Thé: ơn Trời
Hoạn lộ bằng phẳng, lộc kèm công danh*

*Tuế lâm Ngũ(hào 5)động tốt lành
Lại sinh hào Thé: vận mình cao sang
Tài(động) sinh Quan Thé: vững vàng
Hoặc Thé Tài động hoá Quan cũng là*

*Thé Quan động hoá Tài à?
Quan sinh hợp Thé ấy là tốt sao
Thé Tài Quan (đều) đắc địa nào,
Hanh thông quan vận,danh cao bẳng vàng*

*Có Tài Quan vượng thì sang
Nhưng Thé thất tán, phúc chàng kém đi
Thé Quan đều vượng một khi
Tài mà thất tán lương thì không cao*

*Hào Năm sinh Thé thì sao?
Thăng quan vượt cấp, có gì mà than!
Tuế lâm Nhật Nguyệt lại bàn
Nếu sinh hào Thé chúc quan đến thêm*

*Có Quan Phụ sinh phù thêm
Là tài tướng soái xét xem thế nào
Tí Ngọ Mão Dậu (quan) lâm vào
Sẽ là chức chánh, danh cao đó mà*

*Dần Thân Tị Hợi (quan) hiện ra
Sẽ là chức phó, cũng là hiển vinh
Sửu Mùi Thìn Tuất Quan tinh
Nhân viên tạp vụ, linh tinh thôi à!*

*Quan lâm Nhật Nguyệt kiến à?
Nành chính, đóng dấu hoặc là văn thư
Quan vượng tướng là quan to*

*Hưu tú quan nhỏ xét cho rõ ràng
Hổ lâm Quan Thé (vượng) chính chàng
Quý nhân võ chức rõ ràng biết không*

*Nếu Nhật Nguyệt Lâm Tài cung
Để sinh phù Thé rồi cùng tiến lên
Hổ Quan sinh Thé thì nên
Theo văn ắt được nêu tên bằng rồng*

*Theo võ thì lập kỳ công
Quan tinh độc vượng, nên công, nghiệp thành
Phụ Không vượng địa đã đành*

*Quan tinh độc vượng, thành danh như thường
Hổ lâm Thé động người thương
Hổ lâm Quan động thì thường phải xem
Nếu sinh hợp Thé: êm đềm*

Công thành danh toai, ám êm cửa nhà
Tài động sinh Thé xét qua
Quan tinh trì Thé ắt là quan thôi
Thé Quan động lại hoá Tài
Thé Tài động hoá Quan rồi có danh
Tài Quan động, sự tất thành
Thêm sinh hợp Thé nên danh rõ ràng
Nhật Nguyệt động chẳng khắc là:
Làm quan nổi tiếng gần xa khắp miền!
Nguyệt kiến lâm Quan thì nên
Sinh Thé Chức vị tới liền tay thôi
Thé lâm Nhật Nguyệt tốt rồi,
Quan động sinh Thé tất bồi chức quan (kiêm chức)
Quan vượng gấp sinh(phù) ta bàn
Động mà hoá cát là quan đức tài
Thé vượng Tài vượng hối ai
Tài động sinh Thé được người ngợi ca.
Quan Thé minh, ám động à
Nếu lâm thêm Mã ắt là phải đi
Nhật Nguyệt động lâm Tài thì:
Nếu sinh phù Thé ra đi có lời
Nếu khắc: gấp gian khổ thôi!
Quan vượng Thé vượng ấy thời cũng hay
Quý - Lộc - Mã sinh(hợp)Thé nay
Thì ắt sau này có lúc đỗ cao!
Quan động hợp Thé thì sao?
Nhật Nguyệt phù trợ người nào đỡ nâng?
Phụ là ân, que phải cần!
Vượng mà phù Thé nhiều phần rất hay!
Nếu lâm Thái tuế: cực may!
Lại sinh hợp Thé vào ngay Triều đình
Nếu lâm Nhật kiến cũng vinh!
Chắc được khen thưởng cho mình một khi.
Nếu vướng Không: chẳng được gì!
Quan chúa tới kỳ Nhật Nguyệt khắc xung,
Lại trì sinh Thé: Thành công!
Da muru, túc trí bèn lòng tiến lên!
Hào Phụ chưa thấy hiện lên?
Xét Phục suy vượng xem nên thế nào!
Phụ vượng: cơ quan lớn sao!
Hoặc nơi làm việc nằm vào quốc doanh!
Phụ suy: nơi nhỏ đã dành,
Phụ bị khắc ấy là mình khó vui!
Vì: Quan tinh vượng đầy thôi,
Phụ hưu tù ấy làm tôi buồn lòng
Thé Quan hợp cục thì mong
Tué Ngũ sinh hợp Thé- cùng tốt thay.
Công ty nâng đỡ cho này,
Hoặc là nâng chức đẹp thay ân tình.
Hai Quan, hai Phụ đã dành
Nhậm chức rành rành ở cả hai nơi!
Nhậm chức nơi nào cần coi:

*Ngũ hành Quan đóng áy thời xét ra.
 Kim Quan: phuong Tây đó mà,
 Thủy Quan phuong Bắc, Hoả là phuong Nam.
 Thổ Quan: trung phuong noi làm,
 Đông phuong: Quan Mộc khôi bàn làm chi!
 Thé(hào)2-3-4 nói gì?
 Thành danh nội địa, 5-6 thì ngoài biên(giới)!
 Quan tinh không hiện cũng phiền,
 Hãy xét hào phúc xem nên thé nào?
 Nếu Quan hưu dụng thì sao?
 Năm đó nhậm chức ai nào bỏ qua!
 Phụ vượng lâm Thé áy mà,
 Công tác ở đất phồn hoa đô thành,
 Tài vướng Không Tuyệt đã dành,
 Phụ bị ché khắc làm mình buồn theo,
 Công việc ở noi dân nghèo,
 Tử tôn phát động: bị điệu phải đi!
 Hoặc bị giáng chức hay gì?
 Gặp việc mới bói áy thì lại hay!
 Xuất trận lập công to đây!
 Tuế Nguyệt hợp Thé mừng rầy thăng quan.
 Trần thủ văn hay võ quan
 Quẻ tinh(Nhật Nguyệt)không khắc bình an đó mà!
 Nếu gặp Quý phát động ra
 Thé Ứng xung khắc áy là bất an....*

NHỮNG ĐIỀU BẤT LỢI.

*Tử tôn không ché chức Quan
 Tử mà trì Thé: cầu quan làm gì?
 Tử lâm Nhật Nguyệt một khi
 Lại đi khắc Thé, Khắc vì Quan tinh
 Chức quan chẳng đến với mình
 Tài vượng, Thé vượng, Quan tinh: Phá - Tuần
 Nhật Nguyệt hào động xung Thân
 Quan hoá hung nra, Quan cần chi ta!
 Quan tinh không động áy mà,
 Quan Thé gặp khắc, Huynh đà động thêm
 Hoặc Thé Tài hoá Huynh xem,
 Không thành đạt hoặc chẳng đem lộc về!
 Thé Quan: Không Phá buồn ghê,
 Quan chức nhiều bè chẵng giữ được lâu,
 Thé suy hoá khắc thật sâu
 Tai hoạ, đoản thọ, ốm đau phải phòng.
 Thé vượng hoá Quan phiền lòng
 Hồi đầu hình khắc, mây vòng hoạ tai.
 Vì quyến phải bồi thường ai,
 Nhật động khắc Thé: nay mai phạt rồi.
 Tài sinh hợp Thé Quan rồi,
 Thị cũng có người tiếp tế lương ăn.
 Tử động để mất quan quân,
 Huynh động bị gièm hoặc bị giảm lương.*

Tử Huynh đều động: mắt lương,
 Thé Không trắc trở đáng thương cho người,
 Quỷ động hình khắc Thé rồi
 Tất có điều xấu đến thời với ai,
 Tué phá thương thì nạn tai
 Sẽ bị giáng chức không sai đâu mà!
 Nếu hình hại bởi Hổ - Xà,
 Bắt giam nạn áy khó mà thoát thân,
 Thé Không+quẻ tĩnh thêm phần
 Nghỉ hưu sắp đến, một thân an nhàn
 Huynh hình khắc Thé lại bàn
 Cùng với đồng nghiệp chỉ toàn hại ta.
 Thé khắc Huynh cũng xét ra
 Mình ché ngự họ áy là tốt thôi!
 Quỷ phục dưới Thé xấu rồi!
 Tất bị quở trách vậy thời phải lo!
 Quan chẳng lâm Thé: khôi mò
 Hoặc Quan Không hãy sớm lo về vườn
 Thé Không lâm Ngũ: đáng thương
 Nhật Nguyệt hình khắc khó lường hoạ tai.
 Quan sinh hợp thế hối ai,
 Tài Phục - Tử - Tuyệt hoặc Tài bị Không
 Tham ô, hối lộ mắc vòng
 Thanh danh mất hết đau lòng người oi!
 Thé tĩnh lâm Phá Không rồi,
 Quan gặp Không Phá thì thôi còn gì!
 Quέ Thé bị khắc nói chi?
 Sẽ gặp tai hoạ nếu thi làm quan.
 Mā - Không ta lại luận bàn
 Nhiều mưu vô ích, tính toan làm gì?
 Hào Phụ rất cần một khi
 Đừng Hưu- Tử- Tuyệt nhưng nhiều thì không hay.
 Hai Quan, hai Phụ cũng gay,
 Văn thư không thực tin rày vào ai?
 Nếu gặp hung khắc an bài,
 Thé cũng gặp khắc là tai vạ rồi
 Hôm nay nhậm chức vui cười,
 Ngày mai mất chức ai thời biết chưa?

DỰ ĐOÁN VỀ NHÀ CỦA, ĐẤT Ở, GIA SỰ.

..... DỰ ĐOÁN VIỆC LÀM NHÀ THEO TĂNG SAN BÓC DỊCH:

Tậu nhà làm nhà ở đâu,
 Cân Phụ Thé vượng, chó cùi khắc xung.
 Sáng tạo, hưng công,
 Nên kỵ lục xung,
 Quỷ động là xấu,
 Khắc thế là hung,
 Thấy Quỷ nhập Mô,
 Tai hoạ trùng trùng.

*Quan Quỷ giao trùng thì có vạ,
Thé cư Phúc đức mới là hay.
Thé Suy bị Khắc nên đình lại,
Thé Vượng, phùng Sinh sẽ rất may.
Quan quý nhập ngôi thì chớ động,
Tử tôn được hướng hãy ra tay.
Ví như Tử lâm Thuỷ này,
Động thổ phương Bắc sẽ hay mọi bে,
Quan quý lâm Hoả thì e
Khi làm chớ động thổ về hướng Nam.*

XEM ĐẤT Ở THEO TĂNG SAN BÓC DỊCH.

*.....
Phụ vượng trì Thé chẳng phiền,
Phụ mà hợp cục, bình yên lâu dài
Tài động: nên chuyển đi thôi,
Được quẻ lục hợp áy thời hanh thông.
Phản ngâm thì sẽ đau lòng
Quỷ động khắc Thé phải phòng nạn thân!
Phụ động hoá Tiên mới cần,
Lăm nhăm, nhiều đất có phần vê vang.
Thé động hoá tiến cung sang,
Thé Phụ hoá thoái: tan hoang dần dần.
Gặp điều này phải lo thân
Tuỳ Quỷ nhập Mộ thập phần nguy nan.*

XEM VỀ GIA SỰ THEO TĂNG SAN BÓC DỊCH.

*.....
Luận xem một quẻ cửa nhà,
Nội ngoại vượng tướng: an hoà khỏi lo!
Sinh xuất: cửa chẳng động cho
Sinh nhập: cửa tới chẳng lo tiền tài,
Khắc xuất thì chẳng sợ ai,
Khắc nhập không bệnh thì tai(uong) phiền lòng!
Nội tù, ngoại vượng : làm(nhà) xong,
Ở ăn tuy thiếu, thoả(mãn) trong gia đình,
Ngoại tù, nội vượng chẳng lành,
Ao chuôm, vườn tược nhà mình hoang vu.
Mình ở nhà ngoài(quẻ ngoại) đầy u?
Trong bị ngoài thù(khắc) thì sự chẳng xong,
Nếu như mình ở nhà trong(quẻ nội)
Chẳng nên gặp quẻ mà trong sinh ngoài!
Quẻ Phản bất ổn hối ai!
Quẻ trong bị Phản nhà thời bất an!
Xem hào động để luận bàn,
Lực hào đều tĩnh: bình an cửa nhà
Trùng động là sự đã qua,
Giao động hay dở ắt là đến ngay.
Loạn động cũng phải nói ngay:
Nạn tai, rắc rối, cửa đâu có nào?
Nếu cần xét sự thấp cao,
Luận xem Thé Ứng hai hào trước sau,*

Nếu mà phát động hào đầu?
 Trong nhà có trẻ ốm đau hiện giờ.
 Nhị hào thê thiếp phải ngừa
 Thân vong, hoạ hại chẳng chừa cho ai!
 Cho nên đề phòng động thai,
 Sảy người, tổn của chẳng sai đâu mà!
 Còn như thấy động hào ba,
 Ditch thị huynh đệ khó qua quẻ này,
 Động hào năm bếp là đây,
 Lao đao đau ốm nhiều ngày mới qua!
 Từ động môn hộ thất gia
 Quan lâm hào ấy trong nhà hoạ tai
 Cửa mắt, người phải ra ngoài,
 Tổn hao tài vật chẳng sai bấy chày,
 Hào bốn động đáng lo thay,
 Cửa nhà gia sự thường hay tổn phiền,
 Trong người lại chẳng được yên,
 Bệnh cũ gây phiền não có lành đau!
 Ngũ động thì kỵ bò trâu,
 Lâm Kim thiệt hại bấy lâu còn dài,
 Lục động kinh doanh tán tài,
 Bán buôn tổn thất, trong ngoài gian truân.
 Còn thêm kỵ động mồ phàn,
 Thiên di, cải táng đổi lần mới xong...

ĐOÁN VỀ NHÀ CỦA THEO THIỆU VĨ HOA

Hào đầu: giếng nước nền nhà,
 Hào hai: gian giữa hoặc là bếp thôi!
 Hào ba: cửa hoặc giường rồi,
 Hào bốn: cửa chính, công thời vào ra.
 Hào năm: đường hoặc người mà,
 Hào sáu: cột nóc hoặc ra vách tường.
 Nội(thuộc) nhà, ngoại(thuộc) chủ thường thường,
 Ngoại khắc nội mới cát tường ai ơi.
 Hào hai: trách, hào năm: người
 Muốn cho được tốt, năm thời khắc hai,
 Ngược lại chẳng tốt hối ai,
 Tương sinh cũng tốt ấy thời xét ra,
 Thế ứng vượng(có) Nhật Nguyệt mà,
 Có Long, Tài, Phúc, Quý là rất hay!
 Sáu hào đều tinh là may!
 Người và nhà cửa lúc này bình an.
 Quẻ Tam hình, Lục xung: nan!
 Lục hợp quá tốt khỏi bàn làm chi!
 Sơ(hào sơ) Thổ hoá Thổ một khi,
 Dưới nền có mộ huyệt thì biết chẳng?
 Sơ hoá Quý mộ Tuất: ràng
 Dưới có mộ cổ hay chẳng hối người?
 Sơ Quý, Phụ thêm Hổ rồi,
 Tổn thương con cái hoặc người làm thuê!
 Nhị(hào hai) hoá Quý, Tước ở kè
 Chủ có hoả hoạn phải ghê mà phòng!

Tài Phúc vượng tướng ở cùng
Cửa nhà đầy đủ vui cùng bình an.
Nhị lâm Mộc(có) Nhật lâm bàn:
Hoặc Kim xung khắc: bàn hàn xác xo.
Nhị lâm Bạch hổ phải lo
Thêm hình khắc nữa: ngôi nhà Đại hung!
Nhị vượng có Long đi cùng
Chủ nhân khắc hăn trong vòng chức quan.
Có Hám trì, Vũ lại bàn,
Nên phòng quan hệ nữ nam trong nhà,
Nhị lâm Kim động áy là,
Việc công hay gặp rầy rà lôi thôi
Nhị(+) Phá động khắc thế rồi,
(+)Khắc Thân: tai hoạ đến hồi liên miên.
Nhị bị Thé- Nhật khắc liền
Áy là chổ ở chẳng yên được rồi!
Nhị Quan quý hoặc Thê tài
Gặp thêm Long Quý lại thời Vượng- Sinh
Phù hợp Thé: át gia đình
Vui vầy, thịnh vượng thoả tình cầu mong.
Tài Phúc sinh vượng đã xong
Sinh hợp Thân, Thé: tốt trong đạo nhà.
Nhị bị xung phá áy là
Vợ chồng khác ý khó mà đồng tâm
Hào tam có Quan quý lâm
ít chịu hương khói để tâm cúng thờ
Lâm Xà: chồng vợ ai ngờ:
Đồng sàng dị mộng bây giờ là đây.
Tam gặp Tài-Phúc- Long này
Cát thần phù trợ người nay an lành.
Tam Quý còn thêm Hổ tinh
Quan hệ chẳng lành, cãi vã thị phi
Tam Huynh: hao tán một khi
Tiền tài không tụ hay gì mà mong!
Tứ(hào bốn) Quý thêm Tước: khó xong,
Dễ có kiện tụng lung tung đây mà!
Tứ Quý chẳng yên cửa nhà,
Ngoài mà không kiện, trong là cãi nhau!
Tứ gặp Xà động trước sau,
Nhà không yên ổn khắc nhau coi chừng!
Ngũ(hào năm) lâm Tứ: yên, đáng mừng
Ngũ Quý: chồng vợ coi chừng sinh ly
Ngũ: con trai cả một khi
Lâm Quý- Xà- Hổ tới kỳ không may
Hổ động khắc ngũ: bệnh này
Nan y khó chữa, bó tay chịu rồi
Ngũ mà lâm Tứ ai oi!
Tương khắc phụ mẫu việc thời chẳng hay!
Ngõ ngược, bất hiếu tính này
Tổ tông cơ nghiệp thì nay bỏ rồi!
Ngũ Thê là hào âm rồi,
Phụ nữ lấn át trông coi - hơn chồng!

*Ngũ Tài hợp Quý tốt không?
Vợ nội trợ tốt an lòng hỡi ai!
Nếu Tài vượng: uy kém rồi,
Thậm chí là vợ chẳng thôi lán chồng!
Hào lục bị Nhật Nguyệt xung,
Hoặc gặp Kim Quý nhà không yên lành.
Đói cơm rách áo rành rành
Lục Tài(có) Không nữa: vợ đành ôm đau
Nhật xung nói đến cũng rầu
Người vợ có thể phải chầu Diêm la!
Lục(là) Tổ, tú(là) Mẹ, ngũ(là) Cha
Hào hai là vợ, hào ba huynh rồi!
Hào sơ con cái đáy thôi,
Hoặc xét thêm rộng là người làm thuê
Có Phụ vô Tử: đáng chê,
Gặp nhiều phiền não, nhà thì hư hao!
Phụ Tài Tử vượng thì sao?
Ất là của cải kéo vào đầy dinh.
Long Hổ gặp, xét tình hình,
Nhà đó phú quý khang ninh vẹn toàn!
Phụ không nên động thì hơn
Nếu động phiền não tràn lan khắp nhà!
Phụ mẫu hoá Thê tài à:
Tiền nhiều của lăm, rõ là gặp may!
Tài động khắc Phụ lộ ngay,
Nhà không yên được, có ngày mất thôi!
Có Tử vô Phụ: eo ôi!
Cũng đều là xấu, nhà thời cô đơn.
Vô Tài, hữu Quý chập chờn,
Ôm đau, tai hoa, thiệt hơn kéo vào.
Quý lâm Hổ, động thì sao?
Cũng là không tốt, vướng vào hoạ tai!
Quý trì Thé, gặp Thê tài,
Sinh trợ là tốt, nhà thời hanh thông!
Tài hoá Tử: khỏi cầu mong,
Của cải thì mỗi ngày đong một nhiêu!
Ngày, giờ, năm tháng chẳng yêu(khắc)
Lâm Quý trì Thé: gặp nhiều nạn tai.
Quan quý nhập Mộ an bài,
(+)Hào Thân bị khắc: nhà ai suy rồi!
Hào Quý động sẽ thế nào?
Nếu không chế phục: ra vào kiện nhau!
Nhiều Huynh thì hắn lòng đau,
Con cái ngỗ nghịch, thêm sâu cho ta
Nếu Huynh khắc Thé xét ra
Quê càng thêm xấu, dại mà chờ đây!
Tài Phúc quẻ thượng tốt thay!
Của cải cứ cất khỏi lo hao tài!
Tài có hợp, gặp Quý rồi,
Việc kết hôn thời chẳng được phân minh!
Tài Thé, Tài ứng hiện hình,
Gặp xung: người vợ dứt tình ly hôn*

Tài xung Thé+ Ứng +động: buồn!
Người vợ chủ động ly hôn đó mà!
Tài bình, Tử xuất hiện thì,
Nhà đó đã đạt tới kỳ vinh hoa!
Tài vượng được sinh phù à?
Gia đình giàu có, môn gia thế thản!
Lưu tâm hào Tử rất cần,
Nếu mà vô Tử có phần tán hao(mất gốc)
Tử(gặp) Không: chẳng được đòi sau,
Tử không hung vượng dễ sâu: muộn con!
Tử lâm Nhật,động: héo hon
Mất quan mất chức chẳng còn mong chi!
Thê tài hoá Tử một khi:
Việc cầu quan chức gấp kỳ chẳng may!
Tử hình khắc Phụ thì nay
Toàn con bất hiếu làm rầy cha ông!
Tử sinh Tài +động: phải phòng
Thêm khắc Phụ mẫu: cha ông hại rồi!
Phúc lộc đất Trường sinh ngồi,
Lại sinh Thân, Thé: áy thời đáng khen!
Gia đình nề nếp đã nên,
Cửa nhà bền vững, tiếng hiền đồn xa.
Tử ngũ tương hợp Phụ là:
Có con nối được nghiệp cha đáng mừng!
Quẻ Du hồn phải dè chừng,
Nhà này át hẳn đã từng ở, đi!
Du hồn hoá Quy hồn thì
Di rồi lại được quay về là may.
Thé nhập Mô, khó đổi thay(chỗ ở)
Nội, Ngoại hữu khí, rời đây là tuỳ(y)
Nhị Quý lâm Thé một khi,
Nhà của người khác hoặc thuê đó mà
Ngũ hành lại xét bấy giờ:
Vô Hoá: thờ cúng đơn sơ, tốt gì!
Vô Kim: cửa chẳng có chi,
Vô Mộc: đồ gỗ thường thì cũ thoi!
Hoả nhiều: phiền não nhiều rồi,
Thuỷ nhiều: nữ vượng, Kim nhiều: nữ đông!
Mộc nhiều: thanh tú chân dung,
Thổ nhiều: tiền bạc nhà ông cũng nhiều
Nội khắc Ngoại: át tiêu điều,
Liên miên bệnh tật, lầm điệu buồn lo!
Tuế mà khắc Thé: nguy to
Quanh năm tai họa cứ mò đến thôi!
Nếu Nguyệt khắc Thé người ơi!
Liền trong tháng áy họa tai kéo vê!
Nhật mà khắc Thé cũng ghê,
Xấu nhiều, tốt ít nhiều bê lôi thôi!
Thé, Thân lâm Tuyệt, Không rồi,
Lại thêm Quý khắc: chao ôi hãi hùng!
Láng giềng từ phía sóng chung
Hào một: sau+trái ta cùng xét ra

*Hào bốn: bên phải+trước mà,
Nếu lâm Tài Phúc Nhật là tốt thay!
Lâm Hung Quý Sát là gay,
Hàng xóm không tốt lại hay thối mồm!
Quέ Du(hồn) hoặc Bát thuần thời
Tai hoạ liên tiếp nghĩ coi mà buồn
Âm hoá Dương: vợ ốm luôn,
Dương hoá Âm áy chồng buồn hận tai
Huynh động: chồng vợ xung hoài,
Phụ động hào lục: con thời đáng lo!
Tử vượng, động đem vui cho
Còn Quan quý động phải lo vạ làng
Quý+ Nhật, Nguyệt, Long, Quý bàn:
Lâm Trạch, Thân, Thé: có quan tước rồi.
Thanh long lâm Thuỷ, Mộc Tài,
Của nhiều, vợ tốt hẳn ai vui lòng
Quý, Long lâm Trạch bõ công
Nhà to hay nhỏ cũng trong cát tường
Long ở quẻ nội: đáng thương
Không(hào) Tài: trước khá sau thường nghèo đi!
Long ở quẻ ngoại áy thì
Không Tài: ngược lại trước suy sau giàu.
Long lâm Nguyệt kiến cũng màu
Hôn nhân, thai nghén thêm phần mừng vui!
Long lâm Tài, Tử (tốt) hơn người
Tước lâm Quý động át thời kiện nhau.
Tước(ngộ) Không, Tử(gặp) Tuyệt đến chầu,
Việc quan có hoạ bỗng đâu kéo về.
Tước lâm Nhật, Nguyệt động thì,
Để có hoả hoạn, phải đề phòng thôi!
Tước nội(quẻ) động: thị phi rồi
Tước Quan ngoại động: mừng thời văn thư
(câu) Trận Tài hại nữ bảy giờ,
Trận Nguyệt gặp Quý nghi ngờ chuyện chi?
Ngoại động chẳng làm được gì,
Nội động là kỳ Thổ địa không yên.
Trận, Tài, Nhật, có Long thêm
Ruộng vườn phát triển, của tiền phồn vinh
Trận Nhật(phù) vượng địa hữu tình
Thì tăng đồng ruộng cho mình ai oi!
Xà ở hào bốn động rồi,
Trong nhà át thời quái dị xảy ra
Xà nội động: trẻ hoặc là,
Người làm bô trôn thé mà không hay.
Quý Xà ngoại động tai bay
Đề phòng đạo chích nó hay đục tường.
Xà Nguyệt kiến: việc bất thường
Xà lâm khắc Thế lại thường ngủ mê
Hay có ác mộng kéo về,
Khắc ứng: mẹ hiền giấc ngủ không yên
Hổ + Tử: Chủ khó an toàn
Hổ (hào) tam: nhà có người làm tăng ni*

Hồ + Niên + Nhật + Nguyệt một khi
 Trong nhà gấp kỳ có việc bi tang
 Hồ (khắc) thương Long: thiếp mất chàng
 Hồ Quý phát động, họa phang người nhà
 Hồ lâm Huynh Quý đoán ra
 Ngôi nhà đó xấu, ai mà làm nên.
 Hồ ở quê ngoại thì khuyên
 Ra ngoài không được, ở yên chỗ này!
 Hồ nằm hào sáu: không hay,
 Chẳng nên manh động, phải rày tĩnh tâm
 Vũ (lâm) Phụ: nghèo khó xuất thân
 Vũ được sinh vượng làm ăn dễ dàng
 Huru tù: trắc trở dở dang,
 Vũ chủ thất thoát hỏi chàng biết chua?

ĐOÁN GIA TRẠCH THEO BÓC PHỆ CHÍNH TÔNG.

Phân này ít nói về nhà cửa nhưng có nhiều luận đoán hay nên dùng tham khảo.

VAI LÒI NHẮN GỬI:

Bóc phệ chính tông sử dụng nhiều từ rất khó giải nghĩa trọn vẹn, tôi tài học vốn có hạn không dám lạm bàn, chỉ xin bám sát gốc cỏ, diễn đạt theo cách dễ nhớ nhất để Quý vị nắm bắt phần nào. Ai có thể cắt nghĩa trọn vẹn hơn xin cố gắng đưa lên diễn đàn để chia sẻ cùng mọi người.

Trân trọng.

SPT.

....
 Dụng cơ lập nghiệp tuy ở con người suy tính
 Quan phong, toán khí, mỗi do thô trạch phát ban
 Muốn hay Nhân, Trạch hung suy
 Phải xét quái hào nội, ngoại.
 Nội là trạch, ngoại là người phải rõ về hào chân giả
 Hợp hay ẩn, xung hay lộ, bất kề trong quê có không
 Long đúc, Quý nhân thừa vượng - thăm thẳm hậu phòng
 Quan lâm Phụ mẫu trường sinh - nguy nga tướng phủ
 Thủ Kim phát động - nền móng mỏ mang,
 Phụ mẫu Không vong - đát đai thuê mướn.
 Náo nhiệt môn đình - Tài Quan lâm noi Đế vượng,
 Hung long gia đạo - Phúc lộc ở chỗ Trường sinh
 Môn lộ cùng Nhật thần cách đoạn - qua lại quanh co
 Trạch cơ với Thé ứng giao lâm - hổ tương thay đổi
 Thé với Nhật thần khắc trạch: phá tổ không yên
 Trạch lâm Nguyệt phá khắc thân: nạn tai chẳng hết
 Thé lâm ngoại trạch: lìa tổ phân cung
 Ứng nhập trung đình: cùng người đồng trú
 Trạch hợp Huyền vũ: ngũ hoa, đường liễu, hiên tình
 Mộc lâm Đằng xà vô khí nhà cửa sơ sài.
 Quý có trợ mà không chế: Ma vượng người suy
 Trạch không phá mà gấp Sinh: Trạch hung tài vượng
 Có người chế (khắc) Quý: Quý động chẳng sao,
 Trợ Quý thương Thân: tài nhiều vô ích.
 Quý hào giao trùng lâm Bạch hổ: nên phòng quyền thuộc hình thương,
 Thôi thu sát thân mệnh nhập Hoàng tuyễn: đại kị Mộ môn khai hợp.
 Mệnh tuổi Mộc Kim, hiềm lâm hào Hoả - Càn - Đoài

*Người mệnh Thuỷ Hoả, e gặp quý Kim - Chấn - Tốn
Quan tinh bội ân ở Ngọc đường là người hưởng lộc
Quý nhận giả hình kèm Kim mã làm tướng đế binh.*

*Tài hảo hoá Phụ: công môn át có trệ lưu
Quý án gia Quan: tại chức tất nhiều thuyền chuyển
Tử thừa Phụ nghiệp: con sẽ dương danh
Thê đoạt Phu quyền: vợ giành nội tướng.
Thê phạm Phu gia Sát: tất nhiên vợ phá nhà chồng
Phu lâm Thê lộc hào: chắc chắn chồng nhờ lộc vợ.
Nội ngoại Tử tôn sinh Thê: tiên của đến nhiều
Trùng giao nội ngoại khắc Thê: dây đàn nối lại.
Thê ứng cách quăng một cung: anh em tất mang hai họ
Ứng hào tới Thê tương hợp: người ngoài tới ở làm chồng.
Thê đới Tử lâm Phu vị: lấy chồng dắt cả con theo
Thê động tự hợp Thê hào: hỏi vợ đến luôn nhà ở
Bản mệnh Không lâm Tử: sẽ chậm có con
Thân hào hợp phùng Thê: sao sớm cưới vợ.
Phu phụ hợp hào thấy Quý: hôn phối bất minh
Tử tôn Tuyệt xú hình thương: con thì rất hiếm.
Phu thê phản mục - do tại hình thương
Huynh đệ vô tình - vì là lăng chế
Nhật thần Thân Thê tương sinh thì chủ song thai
Thân mệnh Thê ứng đồng vị phản nhiều hai họ.
Thê tài phát động, đáng lo Phụ gấp hưu tú
Phụ mẫu giao trùng, tối kỵ Phúc lâm Tử Tuyệt
Thê khắc Thê thân trùng hợp ứng: vợ sẽ trùng hôn
Phu hình Thê vị, Tài trùng Tài: chồng tất tái thú.
Thê với ứng hào tương hợp: ngoài có tư tình,
Nam lâm Nữ tử Hổ hào: trong nhiều dâm dục.
Thê - Ứng - Tài tam hợp: quyết hăn có chồng chính phụ
Tài - Thê - Ứng lục xung: hăn hoi là vợ sinh ly.
Mệnh gặp Tử khí: rất hiểm Sát Kị đương đầu,
Quý nhập nội cung: tối kỵ Thân hào đổ máu.
Ác chẳng ác nào hơn Tam hình kèm Nhãm
Hung là hung thứ nhất Bạch hổ giao Gia
Bốn Quý lâm Thân: phòng sinh hoạ hoạn,
Tam truyền khắc Thê: dễ bị tai nguy
Kiếp Vong hai giặc thương Thân: kè bên phản mờ,
Thân Mệnh hai Không gặp Sát: sẽ thác suối vàng
Câu Trận thương Huyền vũ, Thê tài: vợ nhiều hung hoạ,
Bạch hổ tôn Thanh long, Quan quý: chồng bị tử vong.*

DỰ ĐOÁN VỀ PHẦN MỘ.

ĐOÁN VỀ PHẦN MỘ THEO TĂNG SAN BỐC DỊCH.

*Muốn coi phần mộ chọn đầu,
Không vong, Bạch hổ ở đâu nên dùng,
Ở Tỵ - Tốn: mộ hữu phong,
Hợi - Tý: hữu Thuỷ an lòng người oi!*

Sáu hào chặng thấy Thuỷ ngồi,
 Là sai phong thuỷ đứng coi mà buồn,
 Sáu hào chặng thấy Hoả luôn,
 Là vô hương hoả đáng buồn, chớ quên!
 Dụng thần - hào Phụ đã nêu,
 Phụ vượng là môt bê trên yên lành,
 Động mà hoá cát rất lành,
 Hoá sinh, hoá tiến, hoá thành vượng sinh,
 Có hào động giúp cho mình,
 Ấy là môt tốt, hiển vinh đời đời,
 Phụ suy: sa sút mất rồi,
 Phụ động hoá Tử: hại đời cháu con!
 Tử hoá Quý: có hao mòn,(con cháu)
 Đừng: Mộ, Tuyệt, Phá lại còn Tuần không!
 Gặp Phụ là chặng an lòng,
 Phụ động hoá xấu chớ mong giúp người.
 Nếu Thé biến Quý: ai ơi!
 Việc xấu sẽ đến với người đi xem (người đi bói)
 Quý hoá Lục Thân bàn thêm,
 Mọi việc chặng có êm đềm được đâu!
 Tý hoá Quý: Tuổi Tý xấu,
 Ngọ mà hoá Quý: Ngọ đâu được toàn!
 Nếu môt động, phải lo toan,
 Lấy Thé làm Dụng mà bàn xem sao!
 Nếu Thé có Tử lâm vào,
 Hoặc là Tử động: hô hào sửa đi,
 Quý khắc Thé: hãy thiên di,
 Nếu Phụ bị khắc (hay) ngộ kỳ Phá Không,
 Gặp nhiều chuyện chặng vừa lòng,
 Nếu có phải chuyển cung trong lẽ thường.
 Phụ hữu khí, chặng bị thương,
 Lục hào yên tĩnh, tránh đường thiên di.

.....

XEM MỘ ĐỘNG DO ĐÂU THEO TĂNG SAN BỐC DỊCH.

Khắc thần nay xét môt khi
 Lâm Hợi, lâm Tước: là vì Táo quân
 Hãy sửa lỗi tạ Hoả thần,
 Khắc thần cùng Vũ cùng lâm Thổ hào?
 Có kẻ táng trộm chỗ nào
 Thổ thần chưa cúng thì sao yên lòng,
 Rẽ cây vào cốt: Mộc Long,
 Xà lâm Thìn khắc: Rắn trong môt mà!
 Thổ + Quý + Câu trận hiện ra,
 Đào giếng động môt ấy là nguyên nhân.
 Huyền vũ lâm Thuỷ có phần,
 Quách quan nước úng, phân vân nỗi gì!
 Phụ (bi) Nhật Nguyệt khắc môt khi,
 Hoặc hào động khắc, (hoặc) quẻ thì biến xung
 Như Phụ ở Cấn Khôn cung,

*Quẻ thành Mộc cục khắc cung Phụ này,
Quan quách đất lấp tràn đầy.
Quẻ có Thuỷ cục khắc rày cung Ly,
Trong mội ngập nước một khi.
Chấn Tốn cung thì Kim cục khắc xung,
Ây là đá tảng đè cùng,
Càn Đoài có Hoả cục xung hẩy bàn,
Sấm sét kinh động tràn lan,
Ngũ hành lại xét để bàn bỗ xung,
Sáu hào yên tĩnh: vô công,
Phụ mà chẳng bị khắc xung chút nào,
Thì xem còn thiếu hành nào,
Thiếu Thổ thì đắp đất vào cho ta,
Thiếu Kim thì dẽ thôi mà,
Dụng thêm bia đá ắt là an tâm.*

.....

XEM ĐẤT AN TÁNG THEO TĂNG SAN BỐC DỊCH

*Thé vượng hoặc Nhật Nguyệt lâm
Đất tốt, con cháu thành tâm nhớ nguồn,
Tử Thé: thịnh vượng luôn luôn,
Quẻ được lục hợp: đổi buồn thành vui!
Thé nhị hợp Tử ai ơi,
Đó là cát huyệt, đời đời đi lên.
Quẻ gặp lục xung thì phiền,
Lục xung lại biến ra liền lục xung:
Là nơi vô khí nên hung,
Xung mà biến hợp; kíp dùng người ơi!
Đất đi, đất lại về rồi,
Nếu gặp Tử vượng: ây thời tốt sao!
Lục hợp biến xung đất nào,
Đã thành lại hỏng, Long chào mà đi!
Thé Suy, hoá Hợp, Sinh thì:
Trong hung gặp cát ai thì biết không?
Thé vượng hoá Tuyệt, Phá cùng
Trong cát lại này cái hung thật phiền!
Thé hoá tiến thần: Ngàn thu thịnh vượng,
Thé hoá thoái thần: nên cố chuyển đi!
Phúc đức hoá tiến: Muôn đời bền vững,
Tử tôn hoá thoái: ngày một suy vi!*

.....

XEM PHẦN MỘ TÔNG HỢP THEO BỐC PHỆ CHÍNH TÔNG

*Mộ xem Tam đại - Huyệt có định hào,
Thé lâm sơ, nhị - con cháu vương hầu khanh tướng,
Thé ở tú tam - đời sau con cháu vinh hoa.
Tuyệt tự không người - chính bởi Thé lâm ngũ lục.
Di buôn xuất ngoại là do Thé ở Du hòn,
Bát thuần chính là hung triệu,
Quy hòn đâu phải cát tường!
Triệu cát: tương sinh, tương hợp,*

Điểm hung: tương khắc, tương xung!
Huyệt cưỡi Long, Long vào huyệt: Huyệt đech Long chân,
Sơn đới Thuỷ, Thuỷ liền Sơn: Sơn quanh Thuỷ bọc.
Thé Ứng cùng Huyệt, Thé: có hổ phục rồng chầu.
Vượng tướng gấp giao trùng: nghe mèo kêu chó sủa.
Tam hợp lại kiêm lục hợp - Tụ khí tàng phong,
Lai sơn cũng lại triều sơn - Hồi đầu có tổ.
Quỷ lâm Tử Tuyệt - bên có mộ hoang,
Quan gấp Trường sinh - là trong huyệt tốt.
Chỗ hợp với ứng hào cách đoạn trong ngoài - là hướng khác nhau,
Trong huyệt bị Thé Nhật phản khai tả hữu - thời huyệt tương phản
Huyệt đạo được Sơn bình chính: trung bản tượng tương sinh,
Thé ứng đep phong thuỷ quan: nên có hữu tình tương hợp.
Toạ Sơn có khí, chỉ e huyệt gấp Tuần không,
Bản mệnh phùng sinh, đáng kị vận vào hình khắc.
Thanh long bạt vĩ, Tử tôn hữu khí dành noi,
Bach hổ ngang đầu, Phụ mẫu sinh Thân đúng chỗ.
Long hậu lai, dư khí chưa dứt - Huyền vũ Thé thiệt có hình,
Án tiền triều động thành xung - Chu tước khai khẩu thành tượng.
Thé toạ Câu trận Thổ cục: vườn ruộng là nơi,
Ứng lâm Huyền vũ Thuỷ hào: hồ ao nhambi chỗ.
Bạch hổ ở vị Phá hào: mộ phần có cựu,
Đằng xà lâm hào Phụ mẫu: sẵn nghiệp giao gia(cho người khác)
Câu trận Thổ Quỷ: mồ mả chít chi,
Huyền vũ Kim thần: suối khe róc rách.
Thanh long phát động lâm Tử tôn: chủ mới thiên di,
Chu tước phi vào đới Quỷ: tắt gây tranh tụng.
Ứng hào gia Mộc lâm Huyền vũ: trước có khe, câu
Nhật thần xung Thổ trấn Đằng xà: bên hông đường lộ.
Chu tước Hoả hào phát động: gần nơi sân bếp náu đun,
Thanh long Tài khó tương sinh: sát cạnh tiệm buôn kho chứa.
Huyền vũ Thé phi vào huyệt: đào lén chôn thầm,
Câu trận Thổ động lạc Không: Tảng nồng tựa núi.
Nhật hợp Quỷ hào có khí: gần bên thần, miếu xá đàn,
Động lâm Hoa cái ngộ Không: cạnh chỗ am mây, thiền viện.
Thé Ứng bức sơn Tả Hữu: khí huyệt rồng hổ đụng đầu,
Giao trùng gồm Thuỷ trong Tuần: thương thân sông ngòi, thác nước.
Sinh sinh phúc hợp tam truyền: lăm con nhiều cháu,
Trùng trùng Mộ ở một hào: ba phần bốn huyễn (phân ly)
Tuần không nhập Mộ, Du hồn mà Quỷ gấp Không,
Quỷ dã quy sơn, bản mệnh là hào phùng hợp.
Nhật đới Ứng hào, Kiếp sát vào huyệt: quật mộ khai quan
Dụng gồm Thé tượng, động hào khắc Ứng: lẩn người làm huyệt.
Khách Thổ động hào Mộ hợp: gánh đát làm mồ,
Triều sơn cao huyệt pháp không: ham phong mất huyệt.
Tử tôn Không sau Nhật thần: bình lương tác huyệt,
Huynh đệ lạc giữa Thé Ứng: hai giới dị (khó) phân.
Nhật thần động hào, phát huyệt mồ, xung, quyết hợp trùng mai,
Thé Ứng huyệt đao xung thời, xung quan, thời nên cải táng.
Trùng giao sinh huyệt, kinh doanh đâu phải một lúc thành công,
Long đức lâm Tài thiên tạo, những vị muôn năm định kê.
Ứng phi nhập huyệt: táng cạnh ngoại nhân,

Sát động lâm hào: hung gắp tiểu quý.
 Phạm thiên địa lục Không ác Sát: hài cốt bất minh,
 Gặp tam truyền Hình nhẫn Tuần không: đầu lâu bị tốn.
 Gặp xung gắp khắc - sơ phạm hung thần,
 Tương sinh tương hợp - đúng là cát diệu.
 Hào sinh lâm Tử tôn gặp Quan quý lâm Tam truyền: tất chủ quan nhân,
 Huyệt trung xem tượng số hợp Lộc hợp Tài được lưỡng toàn: đúng làm tài chủ.
 Du hồn Phúc đức - Không xung: đào vong du đăng,
 Ác quý hung thần biến động: tử táng tung hoành.
 Phụ mẫu Tử tôn hình khắc: quan quả độc cô,
 Diệp nhân Quý Phá Kiếp Vong: phê tàn bệnh tật.
 Huyền vũ gặp Hàm trì, Kiếp sát: đạo tắc, xướng ca
 Thanh long lâm Hoa cái, Không vong: tăng ni, đạo sĩ.
 Nguyệt quái Câu trận Thổ Quý: dịch lệ khôn ngừa,
 Dương cung Chu tước hung thần: hoả tai đáng sợ.
 Phụ mẫu lâm Tử tôn tuyệt khí: hậu tự báp bênh
 Phúc đức lâm Huynh đệ vượng cung: thí chi hung vượng.
 Huyệt vị lâm tiền thần dưới Nhật: cát khánh đèn liền,
 Động hào gồm hung sát trong Tuần: tai nguy túc khắc.
 Xem dĩ hình và dĩ vãng: xét quá khứ với vị lai,
 Việc với Thể ứng tương đồng: trong quẻ thấy ngay Thể Dụng.

DỰ ĐOÁN VỀ XUẤT HÀNH.

DOÁN VỀ XUẤT HÀNH THEO TĂNG SAN BỐC DỊCH.

Thể động hợp Trụ củng tài,
 Không sao đi được bởi vài lý do (giả định)
 Thể Phá thì việc nên lo,
 Đợi tháng nhị hợp cũng cho xuất hành,
 Ngoại sinh Nội hợp thì lành,
 Ngoại khắc Nội động đã đành gian nguy.
 Ra ngoài thì chẳng nên đi,
 Không gặp kẻ cắp cũng thì ốm đau.
 Ứng lâm thượng lục địa đầu,
 Giao trùng thì việc chớ cầu làm chi
 Đến chợ thì người đã về,
 Tìm thuyền, thuyền đã rời đi khuất ngàn.
 Dụng hào Tài hoá Quý quan,
 Huyền vũ trì Thể: gian nan đó mà,
 Đường thuỷ thì gặp phong ba,
 Đường bộ gặp đĩa gian tà hiểm hung.
 Đi buôn mất cả gánh gồng,
 Của tiền hết sạch, người không thấy về.
 Hào Tài động hoá Không thì
 Xuồng thuyền đã thấy âm ỉ bão to,
 Lên ngựa cướp đã rình chờ,
 Tiền còn sao được? người thừa đòn thương.
 Khám Khôn nhị vị tai ương,
 Luận xem cho tỏ hai phương kéo ngò!
 Khám lâm Mộc, động hào sơ
 Nhược lâm Bạch hổ là cơ vỡ thuyền.

*Úng làm thương luc quě Khôn,
Đằng xà lại gấp chúa ôn thình lình!
Tài Quan hai chữ hữu tình,
Ra đi dễ được yên bình hôm mai.
Bán buôn tốt lộc, tốt tài,
Mua năm bán mười, buôn tháp bán cao.
Bên ngoài kẻ ước người ao,
Chiều lòng đẹp dạ, xiết bao ân cần,
Ví dù Thé gấp Quý nhân,
Ngoại nǎng sinh Nội tháp phần tốt thay.
Ngoại sinh, Nguyệt hợp thì hay,
Nhật sinh, Nguyệt phá tai bay đến mìn.
Việc mong: vạn sự chẳng thành,
Xuất môn khó thể an lành này ai!
Thé Tuyệt thì nó(không) đắc tài,
Thé mà hoá tiên: khuyên ai đăng trình.
Ngày xem(bói) gấp Tuyệt: kìm mình,
Đợi ngày Sinh Vượng thoả tình mà đi.
Hào Thé hoá tiên này thì,
Hoặc có Long động: còn gì phải lo.
Thé vượng: mạnh bước hải hồ,
Thé có sinh khí, phát cờ cũng hay.
Thé động hoá Tử : gấp may,
Thé mà khắc Úng: việc này nên đi.
Thé ám động cũng đúng kỳ(dis)
Tử động hoặc có Tử trì Thé thân,
Hoặc Thé hoá Tử : rất cần,
Đường xa cách trở muôn phần khỏi lo.
Thé bị khắc: hãy nầm co,
Thé Hưu tú cũng báo cho mà dùng.
Thé động hoá xấu cũng đừng,
Úng Tuần không nhập: chó mừng người oi!
Hào Thé trong Tam hợp rồi,
Mà đã là hợp thì thôi: lên đường!
Quan quý động có hoạ ương,
Vũ Quý động phải lo lường gian phi.
Túc Quý động: tung kiện gì,
Hổ Quý mà động rõ thì óm đau.
Quý phát Càn Chấn thấy sâu,
Đỗ xe, ngã ngựa trước sau dọc đường.
Xà Quý động: triệu bất thường,
Bão giông: Quý động ở phương Cản Daoi.
Phản ngâm hoá thoái này ai,
Nửa đường rồi vẫn quy hồi gia trang.
Phục ngâm, Thé động: trễ tràng,
Ngày xung khai đến lên đàng mà đi.
Lục xung thì vội vã gì?
Thé bị xung khắc thôi thì, thì thôi!
Hợp hoá xung: chẳng tốt rồi,
(+) Thé Hưu tú nữa: là tôi khỏi về!
Xung hoá hợp: tốt miễn chê,
Tử sinh hợp Thé : đi về bình an.*

*Quan quý tri Thé : lo toan,
Đè phòng mọi nỗi gian nan trên đường(không cần chờ đợi)*

DOÁN XUẤT HÀNH THEO BỐC PHỆ CHÍNH TÔNG

*Xuất hành cần biết đôi điều,
Phụ là hành lý, Vượng: nhiều, ít: Hưu.
Vượng + Không : hành lý khó nhiều,
Tháy Hình, Hại, Phá: tổn hao đầy mà.
Tài là vật dụng, tiền(vốn) mà,
Đủ đầy là Vượng, Hưu là ít thôi!
Nếu hoá từ Huynh ấy thời,
Góp vốn hoặc mượn của ai để dùng.
Thé sinh vượng: sức vô cùng(mạnh)
Hưu từ khó chịu nỗi vòng gió sương.
Úng là nơi đến tha hương,
Gặp Không thì khỏi lên đường ai oi!
Nơi đó hoang vắng không người,
Muru sự không đạt, vậy thời dừng đi!
Gián hào là tượng đường đi,
Động là trắc trở, tĩnh thì bình an.
Tué động khắc Thé lại bàn,
Suốt năm bất lợi gian nan quê người.
Nếu thêm Bạch hổ.....lay Trời!
Hung sát ghê gớm, người oi giữ mình.
Thé thương Úng: xét sự tình,
Hơi đâu toan tính, việc mình nên đi.
Úng mà khắc Thé: ngu gì!
Công tư bất lợi, đi thì chẳng nên.
Thêm Nhật động+khắc một bên,
Đường đi bé tắc nhiều phen đau lòng.
Gặp quẻ Bát thuần (hoặc) Lục xung,
Loạn động: nơi đến nhiều hung đầy mà!
Hai gián(hào) đều gặp Không à?
Di riêng(một mình) thì tốt kéo ta bị phiền!
Thé động: ngày khởi(di) đã nên,
Thé mà tĩnh tại : cứ nên tà tà.
Thé Úng động: nhanh đi mà,
Thé động biến Quý: đi là ngô tai!
Quý tri Thé: đắn đo hoài,
Còn Quý hoá Tử: nạn tai đâu phiền
Thé tĩnh, Nhật động xung lièn,
Là vì người khác phải lên đường rày!
Thé động, Nhật động hợp nay,
Ràng buộc từ ngày trước chẳng thể đi!
Gián hợp: bạn giữ một khi,
Đến ngày xung mới thoát đi được mà!
Thé gặp Không phải xét qua,
Cửu lưu , thuật sĩ đi là hợp thôi!
Hoả Thổ: đường bộ ai oi,*

Thuỷ Mộc: đường thuỷ mọi người biết không?(đúng kiểu chưa có máy bay!)

Nếu Lâm Tài, Phúc thì mong,

Lâm Huynh là xấu, trong lòng chẳng vui!
 Phương Quý(và) Mộ của Quý rồi,
 Phương Mộ của Thế ấy thời phuong hung!
 Còn phuong Tài, Phúc, Phụ cung,
 Lại sinh Thế nữa: nên dùng nhiều thoi!
 Quý lâm Vũ, khắc Thế rồi,
 Là có đạo đặc nên thời âu lo!
 Huynh có Hổ, Kỵ, động u?
 Quý Tốn khắc Thế: phong ba nhớ phòng!
 Tài khắc Thế: phải ghi lòng,
 Chớ tham phi nghĩa, hoạ trong tiền này.
 Tài hợp Thế, biến Quan nay:
 Nữ sắc nên né, hoạ rày mới yên! (có vị nào từ chối nổi không?)
 Gặp Phụ: mưa gió triền miên,
 Khắc Thế càng kỵ, đi thuyền chẳng nên!
 Tử mà trì Thế: tới liền,
 Hành trình lại có bạn hiền cùng đi!
 Khi yết kiến quan(cấp trên) phải suy,
 Là vì Tử động tức thì thương Quan!
 Dần Quý tại Cấn phải bàn,
 Là vì có hổ(thật) chặn đường rất nguy!
 (Thế)Không thương thì chẳng hề chi!
 Nếu như có át là người ngộ tai!
 Huynh Xà động: trán lột rồi,
 Vô ché(không có khắc) phải ngờ, có khắc: vô lo!
 Quý lâm giàn + động xét cho,
 Bạn đường không ốm cũng lo bất hoà!
 Lại khắc Thế: nhủ thầm ta,
 Để có hối hận thật là không hay!
 Huynh Thế: lô phi trắng tay,
 (huynh) Động + Không lâm Thế: người bày hại ta (tốn tài)
 Quan quý chủ hoạ đây mà!
 Nên tĩnh, (hoặc) bị ché thì ta lo gì!
 Không thấy hào Tử một khi,
 Hoặc Tử (ngộ) Không ấy là kỳ chẳng hay!
 Quý chẳng bị ché hoá nay,
 Sẽ đem tai hoạ trút ngay lên đầu!
 Dụng động gặp Không: ôi sầu,
 Dụng mà hoá thoát: quay đầu về đi!
 Tài vuợng lâm Nguyệt kiến thi:
 Nhiều của đem về, Họp Thế: nhiều hơn!

.....

ĐOÁN XUẤT HÀNH THEO THIỆU VĨ HOA.

.....

Muốn xem về xuất hành à,
 Thế là mình đó, Ứng là khách phuong.
 Thế vuợng tướng: hãy ly hương
 Hóa cát, hóa Tử: lên đường cũng hay.
 Ứng nên vuợng, sinh Thế này,
 Dừng bị Không nữa: việc này thành công.

*Thé Thủy: Khôn, Cẩn không xong.
Thé Mộc: Khảm tốt, kị trong hướng Đoài.
Thé Hỏa: phuơng Chấn tốt thôi!
Lại kị phuơng Khảm ấy thời xét ra.
Thé Kim: Khôn, Cẩn tốt mà.
Kị phuơng Ly đó nhắc ta coi chừng.
Thé Thổ: tú Mộ thời đùng,
Muốn xuất hành tốt xem chừng hướng đi.
Phụ là hành lý một khi,
Nhiều là vượng tướng, ít là tù, hưu.
Vượng(+) Không: hành lý không nhiều,
Tài là tiền bạc, ít hưu, vượng nhiều.
Tử tôn trì Thé thuận chiều,
Tử động, Thé hóa Tử đều hanh thông.
Thé tĩnh, Nhật động ám xung,
Ngày đi chắc chắn, báo cùng với ai.
Thé vượng, tĩnh - Nhật xung khai,
Cũng là chắc chắn rằng ai xuất hành
Thé động hóa hợp đã đành,
Hoặc Nhật động hợp thì đành hoãn thôi!
Có trắc trở chuyện gì rồi,
Thé(ngô) Không: nghĩ khác ấy thời lợi hơn.
Đừng đi, cần tính vuông tròn,
Việc không vừa ý, lại còn gian nan.
Ứng Không là chủ việc buồn,
Khó thành được việc, lại còn thêm lo
Gián hào là bạn xét cho,
Sinh Thé thì tốt, khắc lo hại mình.
Gián hào động mà lâm Huynh,
Tiền bạc chắc chắn là mình bị hao!
Gián hào đều Không thì sao?
Phen này chẳng thấy ma nào cùng đi!
Nếu tĩnh: an ổn đi về,
Nếu động: vất vả, nhiêu khê dọc đường.
Gián hào lâm Phúc, Tài: thường
Lại động : thuận lợi trên đường quan san!
Thé khắc Ứng: cứ đi tràn,
Ứng mà khắc Thé: khỏi bàn, đừng đi!
Thé động: biết được lúc đi,
Thé tĩnh: không tính được khi xuất hành.
Thé Ứng đều động thì nhanh,
Cung Khôn có Mã đã dành ngựa xe.
Mộc Thé cung Khảm: thuyền bè,
Nếu lâm Hổ động phải dè phong ba.
Quỷ Thé là kỵ đây mà,
Thé mà biến Quỷ: cũng là xấu thôi!
Nếu thêm khắc Thé người ơi,
Thì càng thêm xấu, phải thời lưu tâm.
Thé Quỷ gấp Mộ chẳng làm,
Ất là có chuyện âm thầm hoãn đi.
Thé Phụ khắc Quỷ: khó vì,
Hành lý cản trở hoặc vì gió mưa!*

Phụ động xung Thé cũng vừa,
 Quý khắc Huynh đệ: bị lừa, vạ tai.
 Hoặc là mất của nhắc ai,
 Quý động khắc Thé, Huynh thời ở đây(Thé)
 Lục hợp biến lục xung này,
 Quέ biến Khắc, Tuyệt: xấu ngay từ nhà.
 Tài biến Quý, khắc Thé à?
 Là do tiền bạc họa ra lan tràn.
 Thé hợp với Tài cùng bàn,
 Là do nữ sắc gấp toàn họa tai.
 Hoặc do tham của nhà ai,
 Cho nên mới bị thù dai đây mà!
 Quέ Cán,Dần Quý: Hổ(thật) ra!
 Thé không bị khắc thì ta lo gì!
 Quέ mà vô Tử âu thì,
 Xuất hành ngộ nạn, giữa kỳ không may!
 Quέ vô Quan quý là hay,
 Quý ở hào thượng, chú mày đỡ lo!
 Gián hào Quan quý động cho,
 Bạn hữu bệnh tật hoặc lo bất hòa!
 Quý khắc Thé, chẳng lợi ta,
 Lục thân lâm Quý đều là xấu thôi!
 Long Quý động: cờ bạc rồi,
 Hoặc ham thanh sắc tới hồi ủ tai!
 Tước Quý động: cãi kiện ai?
 Trận Quý động: việc của người liên quan(liên lụy)
 Xà Quý động: bão giông tràn,
 Hổ Quý động: bệnh tật làm triền miên!
 Khảm Đoài - Quan quý động lên,
 Phải ngán sóng gió lúc trên sông hồ.
 Khôn Cán: đồng vắng nén lo,
 Quý động quέ Tốn ấy do sắc - tài!
 Quέ Ly: đích thị hỏa tai,
 Thái tué sinh khắc Thé thời xét ra
 Phúc to, vạ lớn đó mà,
 Tué lâm Bạch hổ còn là xấu thêm!
 Thé động xung khắc Tué xem?
 Xuất hành chẳng thể êm đềm được đâu!

.....

DỰ ĐOÁN VỀ HÀNH NHÂN (NGƯỜI ĐI XA)

.....

DỰ ĐOÁN VỀ HÀNH NHÂN THEO TĂNG SAN BỐC DỊCH.

.....

Người đi kẻ ở nhớ thương,
 Quan động không tường không biết tin ai!
 Dụng bị khắc chẳng yên rồi,
 Dụng lâm Nguyệt phá thì thôi chưa về.
 Dụng động+Nhật phá : Xấu ghê,
 (nếu)Hồi đầu sinh được : Sẽ về bình an!
 Lục xung Thé Ứng : khó (về) bàn,

Gặp ngày tháng giúp lại hoàn cố hương!
 Dụng Thé gặp Phá: bị thương,
 Hóa Không, gặp Tước bốn phuong phải về.
 Dụng động gặp Phá buồn ghê,
 Nếu may hóa thoái thì về người oi!
 Dụng động mà hóa Không rồi,
 Là có sự thoái để rồi hồi trang.
 Thé động hóa dụng lai bàn,
 Dụng gặp Nguyệt kién: Có đoàn hồi gia!
 Quέ có nhị hợp rồi à,
 (+) Tháng đủ tam hợp ắt là đoàn viên!
 Dụng động biến hợp chǎng nén,
 Hoặc là hóa tiên: thích trên sông, hồ.
 Không vong Thé Ứng lâm vô,
 Người đi xây dựng cơ đồ còn lâu!
 Thé mạnh nhưng Dụng kém mầu
 Nhật khắc, Nguyệt mờ vẫn sầu chia phôi!
 Dù thêm Chu tước hǎn hoi,
 Chờ tin mỏi mệt, bóng người vẫn xa.
 Từ động chưa thỏa chí mà,
 Quỷ động thì vẫn mong mà chǎng tin!
 Thé khắc Dụng: về chưa nên,
 Dụng mà khắc Thé về liền đây thôi!
 Minh giao, ám động: sáp rồi,
 Mộ, Tuyệt, Không, Phá thì thôi còn dài.
 Lục xung chưa chắc quy lai,
 Dụng bị tam hợp: xung khai thì về!
 Dụng mà vô khắc chó chê,
 Đì rồi cũng có ngày về đừng lo!

.....

ĐOÁN HÀNH NHÂN THEO BỐC PHỆ CHÍNH TÔNG.

.....

Ngày về muôn biết một khi,
 Dụng thần chọn đúng này thì đoán ra.
 Dụng động: Người đã đi(về) mà,
 Tĩnh, vô xung ấy: hǎn ta chưa về!
 Thé khắc Dụng cũng chưa về,
 Dụng mà khắc Thé: mau về đây thôi!
 Thé Không cũng sắp sắp rồi,
 Dụng sinh hợp thé thì người chậm hơn!
 Dụng(ở hào) ba, bốn động nhanh thôi,
 Động+sinh hợp bốn ra ngoài mà coi(sắp về)
 Dụng hóa tiên: nhanh thật rồi,
 Hóa thoái thì ắt còn xoi mới về!
 Chậm thì lại phải đợi ngày,
 Ứng việc mới thấy người nay trở về.
 Phục dưới Quan hào ấy thì,
 Việc hung ràng buộc xem Phi(thần) thé nào,
 Lâm Trận: bị ngã tổn hao,
 Lâm Xà: kinh khủng vướng vào chǎng hay.

*Lâm Hổ hoặc Thổ: bệnh nay,
Lâm Vũ: đạo tặc- sắc rày giữ ai!
Phục dưới Huynh: cờ bạc rồi,
Gia Tước: khẩu thiệt, Hổ thời phong ba!
Phục dưới Tử: chè rượu mà,
Hoặc vì tăng đạo hay là cháu con.
Phục dưới Phụ: văn thư đòn,
Nghệ nhân giữ lại hoặc tôn trưởng này!
Phục dưới Tài: buôn lừa thay,
Tài không, Huynh động: vốn này tổn hao.
Nếu có Hàm trì kéo vào,
Suy ra thì biết sắc nào giữ(hắn) ta!
Phục dưới Ứng, Âm Tài là
Ất đã gửi rẻ khó mà về thôi!
Tài dương hợp Thé Thân rồi,
Vì làm quản lý nên thôi khó về.
Phục ở Tài khổ một khi,
Ở nhà giàu có khó gì suy ra!
Phục gấp Mộ, Tuyệt ấy là
Sống nhở nương tựa ngày qua tháng rồi.
Phục tại hào ngũ Quan thời,
Bến sông cửa ải ngăn ai trở về.
Quê mà vô Tài phiền ghê,
Không tiền lộ phí thì về làm sao?
Dụng nhập hóa Phục(Quỷ) Mộ hào,
Là đang lâm bệnh nặng nào muồn chi!
Phục Quan hoặc lâm Hổ thì,
Bị giam trong ngục còn đi đường nào.
Dụng tĩnh thì xét thé nao?
Thé động xung hợp làm sao bây giờ?
Dụng Phục Thé để khởi mà,
Dụng Mộ Tuế phá, Mộ là tốt thay!
Tự tìm phương hướng ngày rày,
Dụng lâm Vũ động hợp ngay Tài hào,
(hoặc) Dụng Tài có Vũ lâm vào,
Say mê túr sắc ai nào về đâu!
Đợi khi xung hợp nhắc nhau
Bây giờ mới nhớ mà mau ra về!
Dụng Phục tại Quỷ, Vũ kia,
Tài không tương hợp thì làm giặc thôi!
Du hồn Dụng động ấy thời,
Lang thang phiêu bạt không noi gửi mình.
Lại hóa Du hồn: lênh đênh,
Hóa Quy hồn mãi cũng dành về thôi!
Kỵ lâm Thân Thé ai oi,
Hoặc Nhật khắc Dụng là thôi khó về,
Dụng lâm Thân Thé động thì:
Hoặc tri Thé động sẽ về ngay thôi!
Phụ động: có thư đến rồi,
Thé tri Tài động: ấy thời không thư!
Muốn xét ngày về bây giờ,
Hợp chờ Xung, Xung đợi Hợp là về ngay!*

*Không đợi xuất Không chóng chầy
Phá đợi bỗ hợp tới nay át về.
Bị Tuyệt đợi sinh một khi,
Bị mộ thì hãy đợi kỳ xung khai.
Xa gần nên rõ ai ơi,
Chủ tượng suy vượng theo Thời tính ra.
Tĩnh chứa trong động ấy là,
Ít nhiều danh lợi nơi xa có phần.*

ĐOÁN HÀNH NHÂN THEO THIỆU VĨ HOA.

*Dụng nên động át sẽ về,
Dụng động khắc Thé: ngày về cũng nhanh.
Động sinh hợp Thé cũng lành,
Nhưng về hơi muộn gia đình đừng lo!
Động lâm (hảo) ba, bốn bảy giờ,
Chẳng bị chế phục hãy chờ đoàn viên.
Không sinh hợp Thé cũng nên,
Nán chờ nhưng cù bình yên tắc lòng.
Dụng Phục mà chẳng bị Không
Thì chờ Phi bị ngày xung thì về.
Nếu như lại bị Không thì,
Chờ ngày Nhật hợp thì về đây thôi.
Ngoại Phản, Dụng vượng ai ơi,
Sắp về cũng có khi rời đi xa!
Dụng tĩnh+Nhật xung: về mà,
Thé Ứng đều động át là nhanh thôi!
Dụng Không ngày xuất(không) về rồi,
Dụng Phục ngày hiện là thời hồi gia!
Nhật Nguyệt động, Thé(hợp) Dụng nay
Muốn về phải đợi đến ngày xung khai.
Dụng lâm Nguyệt phá hỡi ai,
Thì đợi ngày hợp ta thời gặp nhau.
Ngày xung khai đến nhớ nhau tìm về!
Dụng Hưu gặp sinh vượng thì
Ngày Nguyên sinh trợ át kè bên nhau.
Muốn biết người đi phương nào,
Ngũ hành mà Dụng lâm vào tên chi?
Suy ra phương vị một khi,
Nếu Dụng thần tĩnh ấy thì đã xong.
Nếu động: xét hảo động xong,
Lại xét hảo biến theo vòng chuyển đi!
Như Tý biến Thân một khi,
Đầu tiên hướng Bắc sau thì Tây Nam.
Chẳng Nhật Nguyệt động khắc xung,
Thé khắc Dụng: chưa trở về,
Dụng sinh hợp Thé thì về muộn hơn!
Quẻ Lục xung xét thiệt hơn,
Không ở một chỗ mà bốn ba rồi.
Dụng hóa tiến: về ngay thôi,
Hóa thoái thì đến nơi rồi mới quay!*

Sáu hào tĩnh: chẳng về đây,
Thé được sinh hợp: mong ngày hồi gia(dù chưa được)
Dụng tĩnh: vật cũ gấp mà,
Gọi niềm thương nhớ về nhà sắp thôi!
Nguyệt kiền khắc Dụng ai ơi,
Khó quay về sớm ấy thời nhớ cho.
Nhật Nguyệt động hợp: đắn đo,
Ngày xung khai đèn mới lo trở về.
Dụng tĩnh bị khắc: chưa về,
Thé động khắc Dụng: còn mê lên đường
Dụng phục lại xét cho tường,
Chờ ngày Dụng hiện tìm đường về thôi.
Phục lại khắc: chưa đến nơi,
Ngô Không Thé(hoặc) Dụng là ai không về.
Thé Dụng đều bị Không thì,
Người đó không đến cần gì phải mong.
Dưới Huynh Dung phục: biết không?
Sa đà cờ bạc lung tung bên ngoài.
Thêm Tước: cãi vã lôi thôi,
Lâm Hổ: cách trớ, đang hồi khó khăn!
Dưới Tử Dung phục: ân cần,
Mãi vui chè rượu quen thân không về.
Hoặc là tăng đạo rủ rê,
Giữ lại không để cho về bình an.
Dưới Phụ Dung phục ta bàn,
Việc văn thư bận lo toan bộn bề,
Hoặc thượng cấp, nghệ nhân kia
Cố mà giữ lại khó về lăm thay!
Dưới Tài Dung phục hối ai,
Vì chung buôn bán đang lời nên quên.
(nếu) Gặp Không+Huynh động ở bên,
Hao tài, lỗ vốn chẳng nên việc gì!
Nếu lại có thêm Hàm trì,
Ây do tham sắc quên về mà thôi!
Dụng phục dưới Ứng âm Tài,
Bấy mỹ nhân kế bị roi vào rồi.
Ứng Tài là hào Dương thời,
Lại sinh hợp Thé: tiền tôi người cầm.
Dụng Hưu, Mô, Tuyệt: âm thầm
Qua ngày đoạn tháng dày thân ở ngoài.
Dưới Quan Dung phục hối ai,
Thêm gắp sinh, cát: gán người cao sang.
Nếu suy+bị khắc: gian nan,
Không bệnh cũng họa việc quan đó mà!
Quan thêm bị Mô xét ra
Đang lâm bệnh, khó về nhà lăm thay!
Nếu Quan lâm Hổ: chẳng hay
Bị giam trong ngục việc nay thế nào,
Dụng lâm Vũ động thì sao?
Gặp Tài tương hợp: sắc nào giữ ta.
Dụng phục dưới Thé Tài mà,
Lại lâm Huyền vũ cũng là thế thôi!

Du hồn: sắp trở về rồi,
 Hóa quy hồn cũng tới thời hồi gia!
 Phục gặp Thanh long: tốt mà
 Gặp Câu trán: ngã cùng là bị thương.
 Gặp Xà: kinh khủng bất thường,
 Gặp Hổ bị ốm chẳng thường, vì sao!
 Gặp Vũ: đạo tặc kéo vào,
 Hoặc vướng tisz sắc, ai nào vượt qua?
 Quέ, Nhật, Nguyệt vô Tài à,
 Không tiền lô phí hắn ta khó về.
 Hoặc Không: mất tiền một khi,
 Dụng phục là chẳng trở về đâu ai!
 Dụng Không, Phá, Mộ, Tuyệt rồi,
 Bặt vô âm tín bóng người nơi xa.
 Dụng hóa hợp: trắc trở mà,
 Hóa Quỷ: áy là tai họa đến nơi!
 Hóa khắc là xấu ai ơi,
 Quέ biến Tuyệt, Phản ngâm rồi: chẳng hay!
 Dung thân bị khắc: không may.
 Ất là khó định được ngày về đâu!
 Muốn biết hiện người ở đâu?
 Quέ cung Đoài: sẽ ở sau miếu, chùa,
 Quέ cung Càn, Chấn bảy giờ,
 Ở kinh thành đó ta vừa xét ra!
 Dụng nội ở quanh vùng ta,
 Dụng ngoại là ở nơi xa chốn này.
 Tú mộng, ngũ hành xét đây,
 Thìn: vùng mép nước đầm lầy biển sông.
 Tuất là đèn, miếu ở trong,
 Sưu: lò rèn, luyện kim cùng xét ra.
 Mùi: đồi núi, lâm trường mà,
 Hoặc nơi kho gỗ, hoặc là rừng cây!
 Phụ động: có thư tới ngay,
 Thé Tài vượng, động thì rày không thư!
 Phụ vượng là có tin về,
 Hưu, Tù, Mộ, Tuyệt: khó bênh nhận tin.
 Phụ Không: bắn bắt nhạn tin,
 Động sinh hợp Thé: thư liền tới nơi!

DỰ ĐOÁN VỀ BỆNH TẬT.

.....

-Vài lời phi lộ:

Trong chiêm bốc thì phần xem bệnh tật, sinh tử là rất khó xem.
 Một phần do tâm lý khi xem ai cũng muốn mau chóng khỏi bệnh, thoát chết, do đó làm
 cho người đoán lầm lúc phải tìm cách nói vòng vo, uốn lưỡi sao cho không gây sốc tâm
 lý cho người xem. Hơn thế, đây là phần rất nhạy cảm, không thể mang sự sống chết của
 người khác ra tán láo được, người đoán dễ bê tráp lầm lalendar.
 Phần khác thì Sinh, Bệnh, Lão, Tử là Huyền cơ của Tao hóa, khi tiết lộ dù theo mục đích
 tốt chăng nữa thì người đoán cũng ít nhiều tổn hại Âm Đức chứ chưa nói đến việc lợi
 dụng để kiếm tiền.
 Chính vì thế nên chủ ý của tôi muốn đưa phần này lên cuối cùng sau khi các bạn đã có

thêm kinh nghiệm về dự đoán trong các lĩnh vực khác. Nhưng do yêu cầu của một số trong các bạn tôi đành đưa lên sớm hơn dự định. Do eo hẹp thời gian chuẩn bị nên sự lọc chưa được hoàn hảo như ý, đôi lúc có thể có sự trùng lắp giữa các phần.

Rất mong các bằng hữu và quý vị niệm tình đại xá cho.

Trong phần này tôi xin được chia tách ra thành từng đề mục cụ thể để các bạn dễ tìm hiểu. Trong một lúc không thể gõ lên hết được nên xin được đưa ra một mục lục con phục vụ các bạn.

1- PHẦN DỰ ĐOÁN CHUNG VỀ BỆNH TẬT.

2- PHẦN ĐOÁN BỆNH CHỨNG, BỆNH THẾ.

3- PHẦN THÂY VÀ THUỐC.

4- PHẦN CHIÊM BỆNH SỐNG CHẾT.

5- PHẦN CHIÊM BỆNH DO QUÝ THẦN.

PHẦN DỰ ĐOÁN CHUNG VỀ BỆNH TẬT.

DOÁN VỀ BỆNH TẬT THEO TĂNG SAN BỐC DỊCH.

Dụng hào vượng tướng: yên bình,
Nhật, Nguyệt, hào động hợp sinh Dụng hào,
Hoặc Tử trì Thê tốt sao,
Hoặc có Tử động ai nào lo chi!
Bệnh cũ, mới - chữa cách gì?
Cúng trong vài bữa ấy thì bình an!
Bệnh mới mắc thử luận bàn,
Lục xung mà hợp hoàn toàn vững tâm!
Quẻ biến cũng lục xung lâm,
Dụng không gặp Quỷ chẳng làm: tốt thay.
Hóa Không Dụng động cũng hay,
Chữa cách nào rày cũng được an khang.
Bệnh lâu, nặng đầy chẳng xoàng,
Dụng gặp Không, Phá hỏi chàng biết chửa?
Dụng hóa Không Phá cũng vừa,
Hóa lục thân khắc đều chửa an toàn.
Lục xung bệnh cũ chẳng an,
Lục xung quẻ biến: chỉ toan hại người.
Nhật, Nguyệt hào động khắc rồi,
Dụng Hưu, Tù nữa: ôi thôi! nguy tràn!
Quẻ hỏi đâu khắc lại bàn,
Dung dù tốt xấu, tai nạn khó qua.
Đang vượng, lúc hép vượng à,
Quẻ khắc thêm mạnh, ắt là nguy ngay!
Phụ động: bệnh liên miên đây,
Huynh động: ngày rày bệnh cứ lai rai.
Tử động: thuyền giám bệnh ai,
Nhiều sinh hơn khắc ấy thời mừng thay!
Còn xét tuổi bệnh nhân này,
Dụng, tuổi đều Mộ: đúng ngay cửa mồ!
Nhật hào át Mộ bây giờ,
May ra còn có cơ chờ hồi sinh.
Dụng phá+ Nhật khắc bên mình,
Dù hào có mạnh đến sinh cũng hoài.
Dụng hưu hóa Không hối ai,

*Khoi ngày điền thực, không sai đâu mà!
Dụng phục, phi gặp Không à,
Phục gặp Nguyệt kiến át là khôi thôi!
Dụng Không - tránh được khắc rồi,
Xuất Không lại khắc, vượng: thời cứu nguy!
Tử động: bệnh lui bất kỳ,
Đến ngày nhị hợp, Tử thì mạnh thêm.
Dụng dù vượng, tướng xét xem,
Tam hình mắc đủ phải đem ra đồng.
Dụng vượng, hóa hồi đầu xung,
Tháng hào biến mạnh lăn đùng ra thôi!
Nguyên, Kị động, ai sinh ai,
Được sinh thì tác động thời mạnh lên.
Nguyệt khắc, Nhật phá đôi bên,
Được sinh dù mạnh chẳng nên việc gì,
Phải cẩn thận ở thời kỳ,
Xung hào sinh đó là nguy đầy mà.
Toàn quẻ hồi đầu khắc à,
Không cần xét Dụng cũng ra nguy rồi!
Khi quẻ khắc mạnh phải bàn,
Nếu quẻ chính yếu là tan cuộc đời.
Bói cho anh: Huynh động rồi,
Lại thêm hóa tiến: thì thôi mong gì
Hào biến lại gặp Không thì,
Xuất Không ngày ấy là kỳ quy tiên!
Lục xung: bệnh lâu chẳng nên,
Dụng lại trì Thê: mệnh bền được sao?
Dụng hưu hóa thoát thé nào?
Biển hưu: xuồng sức, bệnh vào nội tâm,
Bệnh cứ dai dẳng âm thầm,
Tháng xung hào biến: ấy tuần vong thân.
Dụng ngộ Không - khắc đôi phần,
Xuất Không bị hại, gặp tuần hung tai.
Khi gặp Nguyệt Mộ đến nơi,
Đã sẵn ngày bói xung khai để chờ,
Đó là tuyệt mệnh đến giờ,
Khắc nhiều, sinh ít: chớ ngờ, hung nguy!
Đến năm Tué phá một khi,
Thê nào hồn cũng sẽ về Tây phương.
Dụng hóa thoát: sự không thường,
Khắc được Nguyệt giúp: tìm đường cõi âm.
Quỷ biến Tử: phải lưu tâm,
Át hồi đầu khắc mà lâm nguy rồi.
Dụng gặp Tuần không ai ơi,
Bệnh mới mắc thời chẳng phải âu lo.
Xung Không, điền thực xét cho,
Xuất Không là hết, bệnh bò ra đi.
Dụng vượng gặp Phá: sơ gì,
Ngoài tháng thực phá là kỳ bệnh êm.
Dụng suy còn bị khắc thêm,
Thì bệnh chẳng có êm đềm đâu, nguy!
Bệnh lâu gặp Phá, Không thì,*

Dụng suy hay vượng cũng nguy khó toàn.
Dụng hóa Quỷ: dễ nguy nan,
Quỷ mà hóa Dụng: khó bàn ràng yên.
Kị hóa Dụng: cũng chẳng nên,
Dụng mà hóa Kị: chưa phiền lắm thay! (khó chưa)
Bệnh minh Thé biến Quỷ nay,
Hoặc hồi đầu khác: xấu thay cho mình.
Xem cho Thé, Tử, Phụ, Huynh,
Quỷ biến ra họ: tình hình xấu đi.
Phụ động hóa Quỷ lại suy,
Bệnh nhẹ liền khỏi, ấy thì gấp may!
Bệnh lâu thì lại nguy thay,
Quỷ mà hóa Phụ cũng hay lìa đời.
Khi lâm, hóa Mộ, Tuyệt rồi,
Dụng suy đáng ngại, vượng thời không lo.
Dụng phản, ngộ Phá thì lo,
Sinh phù chẳng có làm cho dữ nhiều,
Bệnh(của)ta: Quỷ Thé khó chiều,
Dù có Tử động: ít nhiều tạm thuyền,
Nhẫn tiền tuy khỏi, chưa yên,
Nọc bệnh chưa dứt, phải nén đê phòng.
Dụng bị khắc hại hình xung,
Nhật, Nguyệt, hào động nếu cùng đến sinh
Thì dù nguy cấp bệnh tình,
Cũng là: Tuyệt xú phùng sinh - đỡ đần!
Dụng đứng quá nhược: khổ thân,
Có sinh: tuy nặng không gần cõi âm
Dung không hiện: hãy lưu tâm,
Nhật, Nguyệt làm Dụng là tầm bệnh yên.
Dụng không hiện, phục, suy hèn,
Hãy bói quẻ nữa xem nên thế nào!
Bệnh chấn đậu: bói xem sao?
Kị lục xung hào nếu đã thấy hoa (đậu lén dày)
Tử hóa Quỷ: cũng xấu mà,
Hoặc Quỷ hóa Tử vẫn là xấu thôi!
Tử phục bị Phá, Không rồi,
Thì rõ là xấu còn coi làm gì!
Bệnh nguyên muốn biết tạng gì,
Can(gan) thì thuộc Mộc, Hỏa thì thuộc Tâm.
Đằng xà: kinh động đến tâm,
Thanh long: tưu sắc quá tầm mà ra!
Câu trận: phù thũng đây mà,
Chu túc: thần khẩu hóa ra điên cuồng.
Hổ: nữ xuất huyết tổn thương,
Vũ: gái lo uất, trai thường âm hư.

DOÁN BỆNH THEO THIỆU VĨ HOA.

Phàm đoán bệnh tật cho ai,
Dụng Không hoặc hóa Không rồi cũng hay.
Lục xung biến lục xung này,

Bệnh mới, uống thuốc khỏi ngay đây mà,
Bệnh lâu thì xét thêm ra,
Gặp Phá, hóa Phá, Dụng mà hóa Quan,
Hoặc Quan hóa Dụng không nan,
Tuế, Nguyệt, Nhật động: bàn chừa mau!
Quỷ trì Thé: thật là sâu,
Khó yên, khó khỏi, bệnh hầm rất nguy.
Hóa Mộ: càng xấu thêm đi,
Nam bị bệnh thì kiêng Thé gặp Sinh.
Nữ kiêng Mộc dục bệnh tình,
Già gặp Đέ vượng phải kinh mà phòng.
Trẻ kiêng Tứ, Mộ, Hưu xong,
Tránh các ngày đó mới mong yên lành.
Quỷ nội: đêm nặng đã đành,
Quỷ ngoại: bệnh nặng ở quanh ban ngày.
Quẻ có hai Quỷ lộ này,
Một Không, một vượng: nhẹ ngày nặng đêm.
Một động, một tĩnh như trên,
Nếu Quỷ không hiện xét bên Phục thần.
Phục Tài: bệnh do uống ăn,
Do tiền hoặc sắc băn khoăn nỗi gì!
Dưới Huynh: vì sắc tiền kia,
Cãi nhau sinh bệnh cũng vì nhịn ăn.
Dưới Phụ: suy nghĩ băn khoăn,
Làm cho tổn hại tinh thần mà ra.
Dưới Tứ: dâm dục quá mà,
Rượu chè, tắm bỏ quá đà gây nên.
Quỷ biến Quỷ: bệnh mới thêm,
Hóa tiến thêm nặng, thoái nén giảm dần.
Nội ngoại đều có Quỷ, Quan,
Là cùng một lúc bệnh lan hai vùng.
Dụng hào gặp Tử tôn cùng,
Hoặc là Tử động: xin đừng quá lo!
Phụ Hưu lại động: hại to,
Phụ bị khắc mới vô lo đây mà.
Dụng Tuyệt(có)động sinh phù à,
Tuy nguy cấp cũng có mà cứu nguy (có cơ thoát)
Tử tôn lâm Nhật một khi,
Lại sinh phù Dụng: thuốc gì cũng yên.
Quỷ đừng phát động mà nên
Yên tĩnh hoặc Nhật động liền khắc đi.
Quỷ lâm Nguyệt phá là nguy,
Nhưng không táng mạng, ai thì biết không!
Tử động hóa khắc cũng bằng,
Nếu ché Quan quỷ: thưa rằng khỏi thôi!
Nếu hóa Phụ, khắc lại thời,
Bệnh khỏi để rồi mắc lại như xưa.
Quỷ động: bệnh nặng bây giờ,
Hóa Trường sinh nữa ấy là nguy tai.
Dung suy(bị) hồi đầu khắc thời
Nếu không có cứu: xa chơi suối vàng.
Dung Phá: tán mệnh chẳng an,

Vô sinh phù nữa: hoàn toàn hiểm nguy!
 Quý phục bị Không vong thì
 Đề phòng trở chứng nhiều khi khó lường.
 Hai Quý kẹp Dụng: đáng thương,
 Nếu không bị chét cũng thường hôn mê.
 Quý Mô+Dụng Mô cũng ghê,
 Nếu hai Quý kẹp: hồn về cõi âm!
 Nhật động xung Mô chẳng làm,
 Trong nguy có cứu, bình tâm được rồi.
 Dụng hóa Mô: hôn mê thôi,
 Dụng vượng chờ đến ngày thời xung khai.
 Dụng Hưu thêm khắc: nguy tai,
 Khó mà qua khỏi, nhắc ai coi chừng.
 Dụng Không, Mô, Tuyệt chưa mừng,
 Có cứu không sợ, nếu đừng thì nguy.
 Dụng biến Quý khắc trở về,
 Không Nhật, Nguyệt động cứu thì mạng vong.
 Bệnh lâu, Dụng bị Phá, Không,
 Hoặc là Dụng vượng: đừng hòng khỏi ngay.
 Bệnh mới: Dụng gấp Không nay,
 Lại thêm gấp hợp: chứng này chưa lâu.
 Dụng, Quý tương biến chớ cầu,
 Bệnh rất khó chữa, dễ hùn nguy nan.
 Thé Quý gấp Trường sinh: bàn,
 Nếu không chét cũng bị tàn tật thôi!
 Bệnh mới gấp hợp: khổ rồi,
 Quέ biến Tử, Tuyệt: áy thời khốn nguy.
 Lục hợp biến lục xung thì
 Không cần xét Dụng cũng nguy đó mà.
 Dụng bị Tam hình: chết à!
 (nếu) Một nhánh bị hợp: may mà thoát thân.
 Quý Mộc lâm Xà có phần
 Lại khắc hào Thé: tất gân cõi âm!
 Dụng Hưu, Tù phải để tâm,
 Đề phòng đột tử, chớ làm hời ai!
 Tử tôn là thày thuốc rồi,
 Rất nên vượng tướng, áy thời đừng suy.
 Thày giỏi, lại thuốc hay thì,
 Đúng là kiến hiệu một khi, đáng mừng.

PHẦN ĐOÁN BỆNH CHỨNG, BỆNH THÉ.

DOÁN BỆNH CHỨNG THEO TĂNG SAN BỐC DỊCH.

Quý Thổ khắc Thé bằng nay
 Đau bụng, đau tức, bệnh này bắt an,
 Quý Thủy khắc Thé: lo toan
 Phải bệnh tả, lị gian nan tháng ngày.
 Quý Kim khắc Thé: chóng chầy,
 Dao đâm, kiếm chém, chẳng tày chóng gai.

*Ngũ hành Quỷ khắc đoán rồi,
 Luận thêm ngũ tạng khắc ngôi cho rành.
 Quỷ Mộc: mình gầy mà xanh,
 Bệnh thì hay mắc trong mình nôn nao,
 Nhức đầu, đau mắt tránh náo,
 Ngộ gió bị cảm, đau vào bên trong.
 Quỷ Hỏa: mình vốn sắc hồng,
 Đầu nhức, mình nóng, trong lòng hoảng kinh.
 Bởi Tâm Hỏa vượng tung hoành,
 Hôi miệng, khô cổ ra tình hay nôn.
 Quỷ Kim: vốn xoáy hình tròn
 Màu da trắng bệch, đau con Phế, Tỵ.
 Bệnh như ngái ngủ một khi,
 Nước rót nước dãi đầm đìa hai bên.
 Quỷ Thủy: mõm, mặt bị đen,
 Lại đau từng đoạn ở bên thân hình.
 Khi đau như vặn xoắn mình,
 Hai tai lại thấy binh binh, bùng bùng.
 Quỷ Thổ: mũi thường sắc hồng,
 Người nhìn thoát: đẹp, kỹ tróng: thấy vàng
 Lời nói âm âm vang vang
 Đầu trong Tỵ, Vị, mặt vàng xanh xao,
 Ăn vào lại ợe, nôn nao,
 Như xung vị quản, như bào sát xương.
 Hoàng kim(phú) đã dẫn tỏ tường
 Ai mà học được, muôn phương lưu truyền.*

DOÁN BỆNH CHỨNG THEO BỐC PHÈ CHÍNH TÔNG.

.....

*Bệnh tật vô thường,
 Tử sinh chuyện lớn.
 Hỏa thuộc Tâm kinh, phát nhiệt, cổ khô miệng ráo.
 Thủy về Thận bộ, sợ hàn, đạo hàn di tinh.
 Kim Phế, Mộc Can,
 Thổ lâm Tỵ Vị
 Suy bệnh nhẹ, Vượng bệnh nặng,
 Động thời bứt rút châu thân.
 Càn đầu, Khôn bụng, Đoài mõm thời khái thấu hầu phong
 Cán tay, Chân chân, Tốn hàn trong bụng cơ phúc thống.
 Đằng xà Tâm kinh, Thanh long thời tưu sắc quá độ,
 Câu trận Thủy trường, Chu tước thì ăn nói cuồng điên.
 Bạch hổ tổn thương, con gái huyết băng, huyết lậu.
 Huyền vũ u uất, con trai âm chửng, âm hư.
 Quỷ phục trong quẻ, bệnh lại chẳng biệt
 Quan lâm hào Thé, bệnh khởi như xưa.
 Như phục Thé tài tức là no đói thất thường,
 Néu tàng Phúc đức do ư túi sắc quá lầm.
 Phụ mẫu lao, thương đưa tới,
 Huynh đệ khí, thực gây nên
 Quan hóa Quan: mới cũ đủ bệnh,*

Quỷ hóa Quỷ: tăng giảm thất thường.
Hóa ra Phụ mẫu lâm hào ngũ: mưa ướt giữa đường,
Biển xuất Huynh hào ở thứ ba: trong phòng bị gió.
Nội cung là ở nhà bị bệnh, dưới là nội thương,
Ngoại quái thời đi ra nơi khác mắc tai, trên thời ngoại cảm.
Trên thực, dưới hư: đêm nhẹ, ngày nặng,
Động sinh, biến khắc: sáng mát, chiều nóng.
Thủy Hoá tương biến: hàn nhiệt vãng lai,
Trên dưới tương xung: nội thương, ngoại cảm.
Hỏa Quỷ hóa Tài bốc lên thời ảm nghịch hay thổi(nôn)
Thủy Quan hóa Thổ xuống dưới thì tiêu tiện không thông
Nếu bị đau răng: Doài Hỏa, Kim liền Hỏa sát,
Như bệnh cước khí: Chấn cung Thổ hóa Mộc tinh.
Quỷ ở Ly cung hóa Thủy: đờm hỏa rõ ràng
Quan lâm Càn tượng hóa Mộc: đầu phong chắc chắn,
Chấn gắp Đoài xà phát động: kinh sợ đênh cuồng,
Cán lâm Tỵ, Ngọ giao trùng: ung thư sang độc.
Trong Quẻ vô thê tài: uống ăn chẳng được,
Hào gián có Quan quý: Hung cách chẳng thư
Quỷ Tuyệt gắp Sinh: bệnh khỏi rồi lại phát
Thế Suy nhập Mộ: tinh thần mệt mà chẳng thịnh.
Ứng lâm Quỷ mà hợp Thân: là do ngoại nhiễm,
Quan trì Thế mà thương Dụng: tái phát bệnh căn
Dụng bị Kim thương: chi, thân, tất nhiều đau nhức.
Chủ gắp Mộc khắc: da, xương chắc hẳn thương hàn.
Hỏa gây cừu thời xuyễn, ho khó chịu,
Thủy làm hại gây nên hốt hoảng không yên.
Tuần không gắp ở hào tam: lung đau biết rõ
Quan quý thương vào thượng lục: đầu nhức chẳng sai.
Tài động quái trung: không thổi thời tả,
Mộc hung trên Thế: không ngừa cũng đau.

.....

ĐOÁN BỆNH CHỨNG THEO THIỆU VĨ HOA

.....

Càn Doài là phổi, Ly tim
Chấn gan, Tốn mật, Cán tim lách đây!
Khôn kia đích thực dạ dày,
Còn Khám là thận phô bày cho ai!
Ngũ hành cũng lại xét rồi,
Mộc gan, Thủy thận và rồi Hỏa tim
Thổ là lách Vị, phổi Kim
Quỷ là chứng bệnh phải tìm xem sao!
Quỷ Kim vượng khắc Thế hào
Dau răng hoặc bị chổ nào dao đâm.
Quỷ cung Chấn: bệnh ở chân,
Lâm Kim: xương gãy, ai đâm chân này
Quỷ Chấn phong gãy xương nay,
Quỷ Cấn: mụn nhọt, mắt này: Quỷ Ly.
Quỷ Càn: đầu nhức một khi,
Quỷ Khôn: bệnh bụng, Tốn thì dùi thôi.

Hào so: báo bị thương rồi,
 Hào hai: bệnh nặng áy thời ở chân.
 Hào ba: bệnh eo giữa thân
 Hào bốn: tại bụng chưa phân Vị, Trường.
 Hào năm: thận yếu, liệt dương,
 Lại nhiều chướng khí, thường thường hiện ra.
 Hào sáu: bệnh ở đầu mà,
 “Bốc phệ nguyên quý” sách đà có nêu.
 Quý Long: do tửu sắc nhiều,
 Quý Tước: mặt đỏ nói điều lung tung.
 Quý Trận: chướng khí đầy lòng,
 Lại thêm Tỳ Vị hư, không điều hòa.
 Quý Xà: Tâm hốt hoảng mà,
 Ngồi thì không tĩnh, nằm đà không yên.
 Quý Hô: gãy xương đã nén,
 Bị đánh hoặc ngã, thật phiền trước sau.
 Nữ thì băng huyết váng đầu,
 Sản hậu, hư nhược thật rầu lắm thay.
 Quý Vũ: sắc dục quá đà,
 Nên tim rối loạn lại rày âm hư.

DOÁN BỆNH THÉ THEO BỐC PHỆ CHÍNH TÔNG .

....

Đã rõ chứng hậu,
 Nên quyết an nguy,
 Lại đem giải thần tìm dõi bên trong huyền diệu,
 Gia thần tham khảo, cùng cực tới chỗ tinh vi.
 Trước xét Tử tôn, rất thích sinh phù cùng hợp,
 Thú xem chủ tượng, chỉ e khắc hại hình xung.
 Thé ở Quý hào: bệnh nhẹ nhưng khó chữa,
 Thân lâm Phúc đức, Thé nguy cũng chẳng đáng lo.
 Dụng hào cường tráng sinh phù: quá cứng sơ gãy,
 Chủ tượng Mộ, Tuyệt, Không, Phá: không cứu tất nguy,
 Lộc hệ Thê tài+Không thời chẳng thiết ăn uống,
 Thọ thuộc Phụ mẫu+động thì chết yếu, chết non.
 Chủ tượng Phục tăng tất chủ kéo dài năm tháng,
 Tử tôn Không, Tuyệt chắc không bỏ dưỡng cho cam.
 Thé động Quý hào, không thể tùy Quan nhập Mộ,
 Thân lâm Phúc đức, chẳng nên phụ động khắc thương
 Quý hóa trưởng sinh, tất sẽ càng thêm trầm trọng,
 Dụng biến Quý sát, chắc là liền thấy nguy ngay.
 Phúc hóa Kỵ hào: bệnh thê tăng thêm vừa lúc bót,
 Thé lâm Huynh đệ: uống ăn giảm bớt kém bình thường.
 Dụng hào Tuyệt gặp được Sinh: nguy mà có cứu,
 Chủ tượng suy mà có trợ: nặng cũng không lo.
 Quan quý Phục ở Không vong: đè phòng bất trắc
 Nhật thần đói Quan quý: cầu đảo sẽ yên
 Động hóa Phụ hào xung khắc: lao lực nên kiêng
 Nhật gia Phúc đức sinh phù: chữa thuốc thời khôi.
 Thân lâm Phi, Phục song Quan: đa mang trọng bệnh,
 Mệnh nhập U, Minh hai Mộ: Âm phủ gần kề.

*Úng hợp mà biến Tài thương: dừng ăn của biếu,
Quỷ động mà gấp Không Phá: chẳng sợ bệnh nguy.
Muốn quyết bệnh tình, nên xét Phúc thần động tĩnh,
Cần rõ mệnh hệ, phải xem Quỷ sát vượng suy.*

.....

CHÚ GIẢI:

*Trong Bốc phệ có nhiều từ mang nhiều hàm ý, thiết thấy cần bổ trợ đôi dòng diễn giải.
Nhưng học vấn vốn có hạn nên không dám bàn sâu, mong rằng có quý bằng hữu nào
hiểu sâu lẽ Dịch, hoặc có cơ duyên nghiên cứu qua các sách khác gộp chút công sức
phân tích rõ thêm để mọi người cùng giác ngộ.*

Xin chân thành cảm ơn.

- Chủ tượng là Dụng thần, Phúc thần và Quỷ sát nói chung là cả Tử và Quỷ, cả Nguyên và Kỵ thần.*
- Quái thân là bản thể của quẻ, của sự việc, Tử tôn lâm vào đấy thì dù cho bệnh thế nguy hiểm uống thuốc vẫn khỏi.*
- Dụng đã lâm Nguyệt kiền, lại còn được Nhật sinh phù là triệu quá cứng mạnh, nghịch lý là bị gãy. Sợ nhất lâm Nguyệt kiền, nếu có Nhật động hình khắc thì không còn quá vượng, thái quá mà tốn bớt thì tốt.*
- Chủ tượng lâm Mộ, Tuyệt, Không, Phá thì bệnh chết, nếu có cứu thì đỡ hại, cứu là sinh phù cũng dùng được.*
- Xem bệnh, lấy Tài là lộc ăn uống, vô Tài hoặc Tài gấp Không vong túc là không muốn ăn uống.*
- Phụ mẫu động khắc Tử tôn, Quan quỷ lộng hành dùng thuốc chẳng hiệu quả nên nói là chết non, chỉ khi xem bệnh cho anh em thì Phụ mẫu là Nguyên thần, động mà sinh Dụng.*
- Tử tôn là được dụng, lại là rượu thịt, lâm Không, Tử, Mộ, Tuyệt hoặc không hiện là khi ốm thiểu bồi dưỡng. Nếu Nhật hay Úng hào đói Tử tôn sinh hợp Dụng thì ắt có người tặng thực phẩm, thuốc men.*
- Khi tự xem, nếu Thé Quỷ nhập Nhật Mộ hay hóa Mộ là không tốt, Thé hào trì Quỷ Mộ cũng xấu.*

Thân lâm Tử là đại cát, gấp Phụ khắc Tử là vẫn xấu, nếu Phụ bị ché là vô hại.

- Xem bệnh cho chồng, Quan phục lại gấp Không nên phòng bất trắc, mèo có Nhật đói Quan quỷ hợp Thé hay Dụng thì nên cầu đảo.*
- Thân là Quái thân và Dụng, như hào Thân đã lâm Quan quỷ, hào khác động mà phi vào trên hào Thân, hoặc trước sau hào Thân giáp Quan quỷ, hoặc trước sau hào Dụng giáp Quan quỷ, hoặc Thé Quan, Thân cũng Quan đều gọi là Song Quan đại tượng, không chết thì bệnh cũng trầm trọng.*

VD: Xem bệnh cho con được quẻ Hăng:

Hào 3 và hào 5 đều là Quan, Ngọ Hỏa Tử ở giữa hai Quan.

- Phàm gấp Quỷ Mộ, Thé Mộ, Dụng Mộ trong quẻ đều gọi là Minh. Còn biến vào trong Mộ gọi là U, cả hai đều chủ bệnh nguy khốn. Hoặc hào Thé, hào Dụng bị Quan quỷ giáp ở hai đầu, hoặc thấy có hai trùng Quỷ Mộ giáp Thân tất là chết. Nếu được Nhật động xung phá Mộ thì mới vô sự.*

-Úng Dụng sinh hợp Dụng là có người tới thăm, lại đói Tài Phúc là có quà tặng, đói Huynh là chỉ thăm xuông.

- Nhu Úng sinh hợp Dụng, hoặc biến Tài, hoặc bị Tài hình xung khắc hại Dụng thì dù có quà cũng đừng ăn, nếu không sẽ bị độc hại, nếu xem cho bè trên càng kỵ.*

.....

ĐOÁN BỆNH THÉ THEO THIỆU VĨ HOA.

Phụ ốm nay xét thời cơ,

Huynh chẳng nên động bệnh đà đỡ nguy.
 Tử vượng, Tài động áy thì,
 Phụ thêm suy nhược, chết thì chắc thoi.
 Huynh sinh vượng, Tử động rồi,
 Con chết sống lại, áy thời mới hay.
 Kỵ hào Tài động ngày này,
 Bệnh con khó dứt, cha rày chẳng mong.
 Bệnh lâu què động chẳng xong,
 Khó mà thoát khỏi còn mong chi mà.
 Huynh được Phụ vượng động ra,
 Đé sinh thì bệnh dễ qua được rồi.
 Gặp Tài, Quý động thì thoi,
 Khó tránh khỏi chết, hết rồi còn chi!
 Hào Tài vượng, Quý tinh thì,
 Cũng yên tâm đây, việc gì phải lo!
 Phụ động thì bệnh quanh co,
 Tài hóa Huynh đệ: đào mồ đợi ai.
 Vượng Quan, tĩnh Tử, động Tài,
 Gặp thần phúc đó nhắc ai hãy mừng.
 Phụ động thì phải coi chừng,
 Tôn thương khí lực ta đừng bỏ qua!
 Nhập mỗ, hóa Mộ: xấu mà,
 Dính vào chữ Mộ là ta biết rồi.

.....

-PHẦN THÀY VÀ THUỐC.

.....

Bệnh chẳng tìm thầy khỏi được rất ít,
 Thuốc không đổi chứng chết uồng cũng nhiều.
 Muốn tìm thầy hay để theo
 Nên kiểm Bốc sư mà hỏi.
 Ứng là thầy lang,(ngộ) Không thời đi vắng chẳng gặp,
 Tử là thang thuốc, Phục là trị bệnh không hay.
 Quý động trong quê: uống thuốc không khỏi được nhanh,
 Không đóng Thé hào: tìm thầy ra chiềу gượng ép.
 Quan vượng, Phúc suy: thuốc thang ít mà bệnh nặng,
 Ứng suy, Thé vượng: nhà bệnh giàu mà thầy nghèo.
 Phụ mẫu không ưa trì thế,
 Quý sát chẳng thể lâm Thân.
 Quan hóa Quan: bệnh nhiều biến chứng,
 Tử hóa Tử: thuốc tạp không hay.
 Phúc hóa Kỵ hòa: ngộ thuốc xui nên uống mạng,
 Ứng lâm Quan quý: Lâm thang(thuốc) đến nỗi bệnh tăng.
 Quý đói Nhật thần: phải đau cırú bệnh,
 Ứng lâm Nguyệt kién: chắc hẳn quan y (thầy thuốc giỏi)
 Phụ mẫu phục tàng: tuy là thầy mà chưa tường mạch lý,
 Quý hào không hiện: có dùng thuốc cũng chẳng rõ bệnh nguyên.
 Chủ tượng ngộ Tuyệt, bị thương: Lữ Y khó cırú,
 Phụ hào phát động đắc địa: Biển Thước đành thua.
 Xét Quan hào mà dùng thuốc: Hoả, Thổ hàn lương,
 Nghiệm Phúc đức để đón thầy: Sứu, Dần Đông bắc.

*Thuỷ đới Tài hung: phải kiêng cá tươi, sống, lạnh,
Mộc gia Long trị: nên cẩn tĩnh tại khoan thư.
Tài hợp Dụng thần ở ngoại quái: ói(nôn) được thì yên,
Tử gặp hoả đức đóng Ly cung: cứu(đốt) là phải khôi.
Quẻ Khám Tử tôn: cần nên phát hàn (làm toát mồ hôi)
Mộc hào Quan quý: trước phải sơ phong (đánh gió)
Dụng vượng có phù: đừng tái bô,
Quý suy thuộc Thổ: chờ dùng châm.
Phúc, Quý đều Không: thời chẳng chĩa cũng khỏi,
Tử, Quan cùng động: nên nội bô, ngoại tu.
Quẻ động hai Tử tôn: dùng thuốc cần nên giàn phục,
Quý thương hai gián: Lập phương phải dụng quan hung.
Phụ hợp biến Tử tôn: chỉ bằng đóng cửa hưu dưỡng,
Ngũ(hào) hưng hoá Phúc đức: thi tìm cây cổ uốn, hay.
Thé, Ứng tỵ hoà không Phúc đức: thi phải đổi thầy,
Tài, Quan phát động Tử tôn không: uống công uống thuốc.*

-PHẦN CHIÊM BỆNH DO QUÝ THẦN.

Vài lời thành ý nhấn nhủ cùng các bằng hữu:

Trong cái nhìn hiện đại thì lẽ Dịch được sử dụng phần lớn như một công cụ mà bỏ qua phần Triết thuyết, nếu dùng cách phân tích của Tây học áp dụng cho Đông học e chừng quá khập khiễng chẳng?

Phần chiêm bệnh do Quý thần lại dùng Dịch soi ánh sáng vào cõi Trung giới siêu hình tìm nguyên nhân tật bệnh. Nếu có bằng hữu nào muốn sử dụng trong học thuật của mình cần cực kỳ cẩn trọng vì luận giải tuy đơn giản nhưng bao hàm nhiều cái được coi là mê tín dị đoan. Thế giới siêu hình và hữu hình ngàn đời gắn kết với nhau thành một thực thể khó có thể tách rời, chỉ sợ có người vì lệch lạc trong quan niệm, hoặc quá cẩu nệ lạm dụng, hoặc quá coi thường xem khinh, vô tình hay hữu ý cứ tưởng tạo Phúc lại đang gây Hoạ.

PHẢI CÚNG RỒI MỚI XEM VÀ ĐOÁN.

*Qué(có)Không, Phá Hưu tù là
Quý thần chẳng có phiền hà người đâu!
Quý Kim nên bị ốm sâu,
Là do Thần Võ ở đầu Tây phương.
Hưu tù là vong tai ương,
Guom đao, tên đạn, gậy nên nạn này.
Quý Mộc: Văn Thần, Đông nay,
Suy ra hồn tựa cỏ cây bám vào.
Quý Thuỷ: Bắc, Thuỷ Thần vào,
Suy: hồn chết đuối hồ ao sông ngòi.
Quý Thổ, Hoả tương tự thôi,
Hương hoa, ngựa giấy ấy thời cúng dâng.
Yêu, Quý thấy bạc thời mừng,
Tuỳ phương mà tiễn vào chừng đầu đêm (giờ Tuất, Hợi)*

*Sơ động Thổ thần,
Nhị động Táo quân.
Tam vi yêu tử nam thương,
Tứ vi thổ chủ tiền đường mà ra,
Ngũ động Phật tự nội gia,
Lục động ấy là mồ mả tổ tông.
Quan lâm Nhật Nguyệt: táng vong,
Quỷ động: cựu chồng, Tài động: vợ xưa.
Tử động: con thác mất mồ,
Phụ động: cha mẹ, ông bà chảng an.
Huynh động: anh em trong nhà,
Huynh đệ trì Thế: đúng là anh em.
Hồ ly: Quỷ động Kim đây,
(vong)Mắc phải đao kiếm, lạc thây chiêu hồn.
Mộc động: lôi giáng (sét đánh) mồ phàn,
(vong)Té cây, thắt cổ, Mộc thần Đông phuong.
Quỷ Mộc động hào: nam thương,
Động vong trầm xác tĩnh giang, Thủy thần.
Lại xem Quỷ Thủy mà phân,
Quỷ(hào) sơ: Thủy phủ, Quỷ nhì: Thủy tinh.
Quỷ tam: Khao binh,
Quỷ tứ: Hành khiển
Quỷ ngũ: Phạm Nhan,
Quỷ lục: Hà Bá.
Lại xem hóa Quỷ Hỏa phàn,
Hóa nhì: Táo quân, tam: bỏ thân miệng hùm(vong bị hổ ăn thịt).
.....*

*Lại xem lục thần quỷ ma,
Long Thủy: Hà Bá, giang hà Thủy quan.
Long Thế: đặc tội Thành hoàng,
Long lâm Hỏa, Thổ: hàm oan ông bà.
Long Kim: đao kiếm quỷ ma,
Long Mộc: thắt cổ cây, nhà lân hương (trong vùng).
Tước Thế động: là Già lam,
Quên hứa Phật đang nên bị óm đây.
Tước lâm Kim, Mộc lúc này,
Thủy long, Hà Bá bắt rày chảng sai.
Tước Thổ: Thổ thần giáng tai
Tước động lâm Hỏa: Hỏa tinh đây mà.
Tước lâm Huynh đệ chảng hòa,
Khẩu thiệt van vái mãi mà chảng an.
Trận Thế: Ôn ti vậy mà,
Trận lâm Kim, Mộc động: ra lễ thần!
Xã, Mộc động: Sơn lâm tinh,
Đăng son(lên núi) mắc phải nên mình chảng an.
Long ở Kim động: tai ương,
Nhược bằng xem bệnh thấy thường ở tim.
Hoặc là sinh chứng nổi chùng,
Thổ thần, Hà bá phải tìm khán mau.
Táo quân cúng lễ cũng màu,*

Bà cô, Ông mảnh khảnh cầu cưng xong.

Thanh long vốn đã xét rồi,
Chu tước Kim, Thủy vẫn hồi gian truân.
Nhớ khi xem bệnh cầu thản,
Nhức đầu, lo lắng, tay chân đau rèn,
Lẽ cầu Thô địa chủ tôn,
Thương vong, tuyệt mệnh, gia môn yên lành.
Bệnh thì đau mắt lâu lành,
Táo quân bị ué đã đành chẳng sai.

Câu trận tú Mộ: bệnh ma,
Nếu muốn chữa chạy thì ta nhủ mình.
Bệnh thì hàn nhiệt, phù hình,
Bắc phương thai quý, nạn đành Ôn vương.
Táo quân, Tuyệt mệnh có nương,
Thành tâm lễ ở tùy phương khán cầu.
Ôm mà hay thấy bụng đau,
Từ đường vong ở đằng sau liền mà!

Đằng xà giải: mộng bất tường,
Xà động chủ Từ: tang thương đến mình.
Vốn xà là con yêu tinh,
Động mà lâm Thế e rằng khó choi!
Tang phù bệnh lãotoi bời,
Hào sơ còn độc hơn ngoài tú(hào bón) môn.
Xà động thì bệnh vãng lai,
Chân tay, đầu mắt, ủ tai ưu phiền.
Hôn mê, lại những cuồng điên,
Lẽ Thiên Địa với(quan) đương niên mới lành.

Bạch hổ: bệnh óm lâu ghê,
Sơn thần, Thủy phủ đi về làm đau!
Phải nên thành kính khẩn cầu,
May ra lại được giáng câu thọ trường.
Lại thêm Hổ động chủ tang,
Lâm Thế mà động cũng ngang Đằng xà.

Trung phương (Thổ) Huyền vũ giao tranh,
Bệnh thì luẩn quẩn lâu lành, mau suy!
Táo quân, Thủy phủ thần kỳ,
Ngũ đạo công chúa, Tuyết thi, thủy thần.
Hoặc là đã phạm Sơn thần,
Lẽ cầu, khấn vái, mười phần chẳng lo.

Tí vi Ông, Síru vi Bà,

Dần là Cô tổ, Mão là Bà cô,.
Thìn là Thúc bá, Khao binh,
Vì chung Hành khiển, Thủy thần bắt tai.
Tỵ là Mânh tướng chẳng sai,
Vong cô có kẻ xảy tai thấy buồn.
Ngọ là ông Táo gây nê,
Mùi là Thổ chủ, Thành hoàng đại vương
Hào Thân mắc phải Mộc thương,
Cũng vì Hành khiển, Ngũ ôn người hành.
Dậu là Thổ địa thần linh
Trông nhà ắt có tà tinh quấy rầy.
Tuất là Quách Cảnh đại vương,
Trong nhà có kẻ đau thương nạp đầu.
Hợi là Phật tự khấn cầu,
Trong họ(có người) trầm thủy thác lâu làm đường.
Cõi âm Thập điện Diêm vương,
Chết đuổi chìm xác nên vương bệnh này.